

TIÊU CHUẨN NÔNG NGHIỆP TÀI SINH CỦA RAINFOREST ALLIANCE

CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI TRANG TRẠI

A-33-R-B-FA
Phiên bản 1.0
VI

**RAINFOREST
ALLIANCE**



GIỚI THIỆU VỀ RAINFOREST ALLIANCE

Rainforest Alliance đang kiến tạo một thế giới bền vững hơn bằng cách sử dụng động lực xã hội và thị trường để bảo vệ thiên nhiên, cải thiện cuộc sống cho người nông dân và cộng đồng sống gần rừng.

Phản ghi chú miễn trừ trách nhiệm dịch thuật

Nếu bạn có bất kỳ thắc mắc nào liên quan đến ý nghĩa chính xác của thông tin trong bản dịch này, vui lòng tham khảo bản tiếng Anh chính thức để làm rõ.

Mọi sai lệch hoặc khác biệt về ý nghĩa trong bản dịch này đều không có giá trị ràng buộc và không có giá trị đối với các mục đích thanh tra đánh giá hoặc cấp chứng nhận.

Bạn muốn biết thêm thông tin?

Để biết thêm thông tin về Rainforest Alliance, hãy truy cập www.rainforest-alliance.org hoặc liên hệ info@ra.org. Bên cạnh đó, liên hệ Văn phòng Rainforest Alliance Amsterdam tại De Ruijterkade 6, 1013AA Amsterdam, Hà Lan.

Để được hỗ trợ trong quy trình chứng nhận của Rainforest Alliance, liên hệ nhóm Hỗ trợ Khách hàng của chúng tôi qua email customersuccess@ra.org

Các Yêu Cầu Tiêu Chuẩn mang tính ràng buộc và bắt buộc phải tuân thủ để được chứng nhận.

Nghiêm cấm mọi hành vi sử dụng nội dung này, bao gồm sao chép, sửa đổi, phân phối hoặc tái bản mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Rainforest Alliance.

Tên tài liệu:

Tiêu chuẩn Nông nghiệp Tái sinh của Rainforest Alliance - Các yêu cầu đối với Trang trại

Mã tài liệu:

A-33-R-B-FA

Phiên bản:

1.0

Ngày xuất bản lần đầu:

Ngày 8 tháng 9 năm 2025

Ngày sửa đổi:

Không áp dụng

Có hiệu lực từ:

Ngày 1 tháng 3 năm 2026

Hết hạn vào:

Cho đến khi có thông báo mới

Liên kết với:

A-35-SRCL-B-SC_V1.5 Các yêu cầu của Rainforest Alliance đối với Chuỗi Cung ứng.

A-36-SRCL-B-FA_V1.2VI_ Các Quy tắc Chứng nhận của Rainforest Alliance đối với Đơn vị Sở hữu Chứng nhận Trang trại

Tất cả các phụ lục, hướng dẫn và chính sách khác được liệt kê trong tài liệu này.

Thay thế:

Không áp dụng

Áp dụng cho:

Đơn vị Sở hữu Chứng nhận Trang trại

Quốc gia/Khu vực:

Tất cả

Các loại cây trồng:

Tất cả các loại cây trồng trong phạm vi chứng nhận của Rainforest Alliance; vui lòng xem Danh sách Cây trồng Rainforest Alliance.

Loại hình chứng nhận:

Trang Trại

Mục lục

Giới thiệu 4

Tầm Nhìn Của Chúng Tôi	4
Sự khác biệt về yêu cầu giữa các hình thức chứng nhận	5
Chương trình Chứng nhận của Rainforest Alliance	6
Kết Quả Dài Hạn của Chương Trình	7
Làm thế nào để được chứng nhận?	8
Phạm Vi Chứng Nhận Và Các Định Nghĩa Chính	10
Cách Sử Dụng Tài Liệu Đây	11
Tổng quan về các Chủ đề của Tiêu chuẩn Nông nghiệp Tái sinh	13

Chương 1: Quản lý 14

1.1 Quản lý	16
1.2 Quản trị	17
1.3 Kế hoạch Quản lý và Đánh giá rủi ro	21
1.4 Thanh tra Nội bộ và Tự Đánh giá	22
1.5 Cơ chế Khiếu nại	23
1.6 Bình Đẳng Giới	24
1.7 Dữ liệu về các chỉ số	24

CHƯƠNG 2: Truy nguyên sản phẩm 25

2.1 Truy Nguyên Sản Phẩm	26
2.2 Truy Nguyên Sản Phẩm Trên Hệ Thống Quản Lý Trực Tuyến	28
2.3 Cấp Độ Truy Nguyên Trộn Lẫn Giữa Chứng Nhận Và Không Chứng Nhận Theo Tỷ Lệ Công Bó (Mass balance)	29

Chương 3: Giá cộng thường 30

3.1 Tiền/Giá cộng thường	31
--------------------------	----

Chương 4: Hoạt động canh tác 32

4.1 Các giống cây trồng	34
4.2 Phục hồi và Cải tạo Cây trồng	35
4.3 Sinh vật Biến Đổi Gen (GMOs)	35
4.4 Độ Phi Đất Và Bảo Tồn Đất	36
4.5 Quản Lý Dịch Hại Tổng Hợp (IPM)	38
4.6 Quản Lý Hóa Chất Nông Nghiệp	39
4.7 Các Thực Hành Khi Thu Hoạch Và Sau Thu Hoạch	43

CHƯƠNG 5: Xã Hội 44

Đánh Giá và Xử Lý, Lao Động Trẻ Em, Lao Động Cưỡng Bức, Phân Biệt Đối Xử, Hành Vi Bạo Lực và Quấy Rối Tại Nơi Làm Việc	46
5.2 Tự Do Tham Gia Tổ Chức Đoàn Thể Và Thương Lượng Tập Thể	49
5.3 Tiền lương	50
5.5 Điều Kiện Làm Việc	51
5.6 Sức Khỏe Và An Toàn	53
5.7 Nhà Ở Và Điều Kiện Sống	55
5.8 Cộng Đồng	57

CHƯƠNG 6: Môi Trường 58

6.1 Rừng, các hệ sinh thái tự nhiên khác và các khu bảo tồn	60
---	----

6.2 Bảo Tồn Và Nâng Cao Hệ Sinh Thái Tự Nhiên Và Thảm Thực Vật	61
6.4 Bảo Vệ Động Vật Hoang Dã Và Đa Dạng Sinh Học	62
6.5 Quản Lý Và Bảo Tồn Nước	63
6.6 Quản Lý Nước Thải	64
6.7 Quản Lý Chất Thải	65

Bổ sung 66

Tiêu chuẩn Nông nghiệp Tái sinh như một phần bổ sung	66
--	----

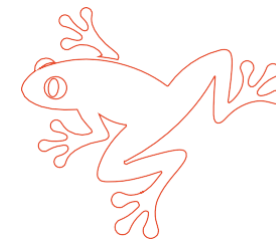
Nông nghiệp tái sinh Các yêu cầu bổ sung 67

Chương 4: CANH TÁC 67

4.1 Các giống cây trồng	67
4.2 Phục hồi và Cải tạo Cây trồng	68
4.4 Độ Phi Đất Và Bảo Tồn Đất	69
4.5 Quản Lý Dịch Hại Tổng Hợp (IPM)	71
4.6 Quản Lý Hóa Chất Nông Nghiệp	72

Chương 6: MÔI TRƯỜNG 73

6.2 Bảo Tồn Và Nâng Cao Hệ Sinh Thái Tự Nhiên Và Thảm Thực Vật	73
--	----



Giới thiệu

Tầm Nhìn Của Chúng Tôi

Tầm Nhìn Của Chúng Tôi

Tại Rainforest Alliance, chúng tôi liên tục cải thiện chương trình chứng nhận để mang đến nhiều giá trị hơn cho hàng triệu nông dân, người lao động, và các công ty trong chương trình của mình. Với sự ra mắt của Tiêu chuẩn Nông nghiệp Tái sinh, chúng tôi đang hỗ trợ các trang trại và doanh nghiệp tiến bước ở mọi giai đoạn trong hành trình tái sinh của họ, áp dụng các thực hành dựa trên khoa học và tận dụng hệ thống chứng nhận, đảm bảo và truy nguyên sản phẩm đáng tin cậy của chúng tôi để mở rộng quy mô nông nghiệp tái sinh trên toàn cầu.

Tại sao cần tạo ra một tiêu chuẩn mới?

Chúng tôi đã xây dựng một Tiêu chuẩn Nông nghiệp Tái sinh riêng biệt để đồng hành cùng nông dân và doanh nghiệp ở từng giai đoạn trong hành trình của họ. Tiêu chuẩn này ghi nhận những người đã áp dụng các thực hành tái sinh và đồng thời cung cấp lộ trình rõ ràng cho những ai sẵn sàng cam kết sâu sắc hơn, trong khi vẫn đảm bảo tính toàn diện cho chương trình chứng nhận tổng thể của chúng tôi.

Các đối tác có thể lựa chọn tiêu chuẩn phù hợp nhất với mình:

- Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững.
- Tiêu chuẩn Nông nghiệp Tái sinh.
- Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững + Phần bổ sung về Nông nghiệp Tái sinh.

Các lựa chọn này mang lại sự linh hoạt tùy theo mức độ sẵn sàng và mức độ cam kết của từng đơn vị.

Nông nghiệp TÁI SINH

Các yêu cầu đối với Trang trại

Dựa trên kinh nghiệm tích lũy qua nhiều thập kỷ, tiêu chuẩn này tăng cường chiều sâu trong ba lĩnh vực tác động tập trung vào thiên nhiên: sức khỏe và độ phì nhiêu của đất, đa dạng sinh học và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời, tiêu chuẩn này vẫn giữ vững các yêu cầu xã hội chặt chẽ. Bằng cách bảo vệ quyền con người và hỗ trợ sinh kế bền vững, công tác quản lý môi trường được tăng cường, vì nông dân và người lao động được an toàn, khỏe mạnh và có khả năng chăm sóc môi trường tốt hơn.

Biên soạn xây dựng Tiêu chuẩn

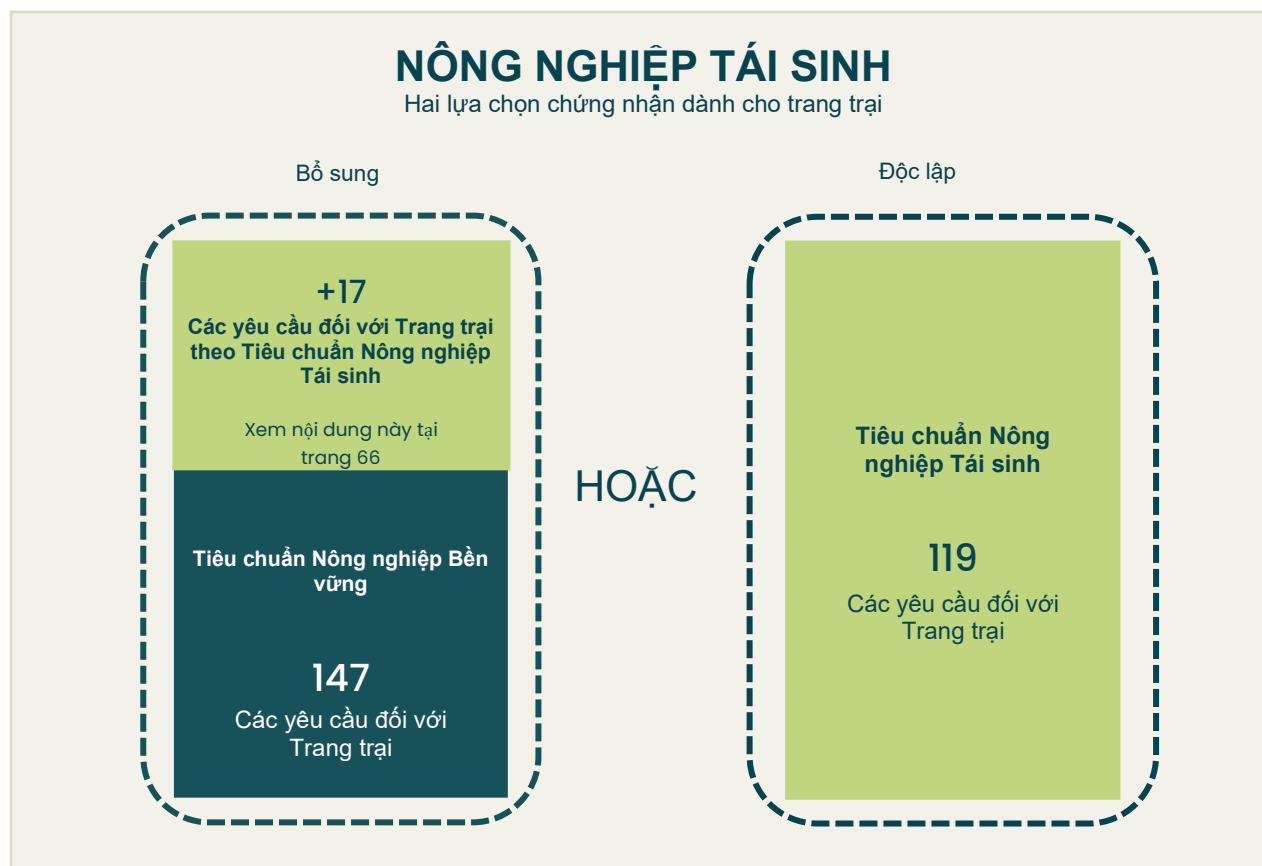
Rainforest Alliance là thành viên tuân thủ quy định của ISEAL. Khi xây dựng Tiêu chuẩn Nông nghiệp Tái sinh, chúng tôi tuân thủ các nguyên tắc của Bộ Quy tắc Thực hành Tốt ISEAL, đồng thời tham vấn nhiều bên liên quan để đảm bảo tiêu chuẩn mang tính phù hợp, minh bạch và cân bằng.



Sự khác biệt về yêu cầu giữa các hình thức chứng nhận

Hình thức Tiêu chuẩn Nông nghiệp Tái sinh độc lập bao gồm các yêu cầu về nông nghiệp tái sinh, các yêu cầu cơ bản được áp dụng chung cho Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững, cùng một số yêu cầu khác liên quan đến nông nghiệp bền vững trong các chủ đề chính. Các yêu cầu này cùng tập trung vào năm (05) lĩnh vực chính: khả năng phục hồi của cây trồng, sức khỏe đất, đa dạng sinh học, quản lý nguồn nước và sinh kế.

Hình thức bổ sung bao gồm các yêu cầu mới về nông nghiệp tái sinh, sẽ được triển khai ngoài các Yêu cầu về Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững.



Chương trình Chứng nhận của Rainforest Alliance



RAINFOREST ALLIANCE CÁC GIẢI PHÁP CHỨNG NHẬN

TIÊU CHUẨN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

TIÊU CHUẨN NÔNG NGHIỆP TÁI SINH

YÊU CẦU ĐỐI VỚI TRANG TRẠI

YÊU CẦU ĐỐI VỚI TRANG TRẠI
(độc lập hoặc bổ sung)

CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHUỖI CUNG ỨNG

Phụ lục (ràng buộc):

Bắt buộc tuân thủ để được chứng nhận.

Các Chính sách (bắt buộc):

Các chính sách có tính đặc thù theo bối cảnh và có thể được áp dụng cho một khu vực hoặc loại cây trồng cụ thể; việc tuân thủ là yêu cầu bắt buộc để được cấp chứng nhận trong (các) bối cảnh đã nêu rõ.

Tài liệu hướng dẫn (không bắt buộc):

Tài liệu hỗ trợ để tham khảo trong quá trình thực hiện, không bắt buộc làm theo để được chứng nhận.



HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHỨNG NHẬN

- **Qui chế thanh tra cấp chứng nhận** quy định cách thức các thanh tra viên đánh giá sự tuân thủ với các yêu cầu về Trang trại và Chuỗi cung ứng.
- **Các Quy chế về Chứng nhận** đảm bảo rằng các tổ chức chứng nhận luôn thực hiện các cuộc thanh tra chứng nhận Rainforest Alliance với chất lượng cao nhất.
- **Các quy tắc dành cho Tổ chức Chứng nhận** xác định những tổ chức nào có thể thực hiện thanh tra theo các giải pháp chứng nhận của chúng tôi, đồng thời thiết lập các quy tắc cho nhân sự của Tổ chức Chứng nhận



HỆ THỐNG DỮ LIỆU VÀ CÁC CÔNG CỤ

Đơn vị Sở hữu Chứng nhận ở cấp trang trại và chuỗi cung ứng sẽ đăng ký thành viên, quản lý quy trình thanh tra và lưu giữ hồ sơ các giao dịch mua bán sản phẩm được chứng nhận trên nền tảng của chúng tôi.

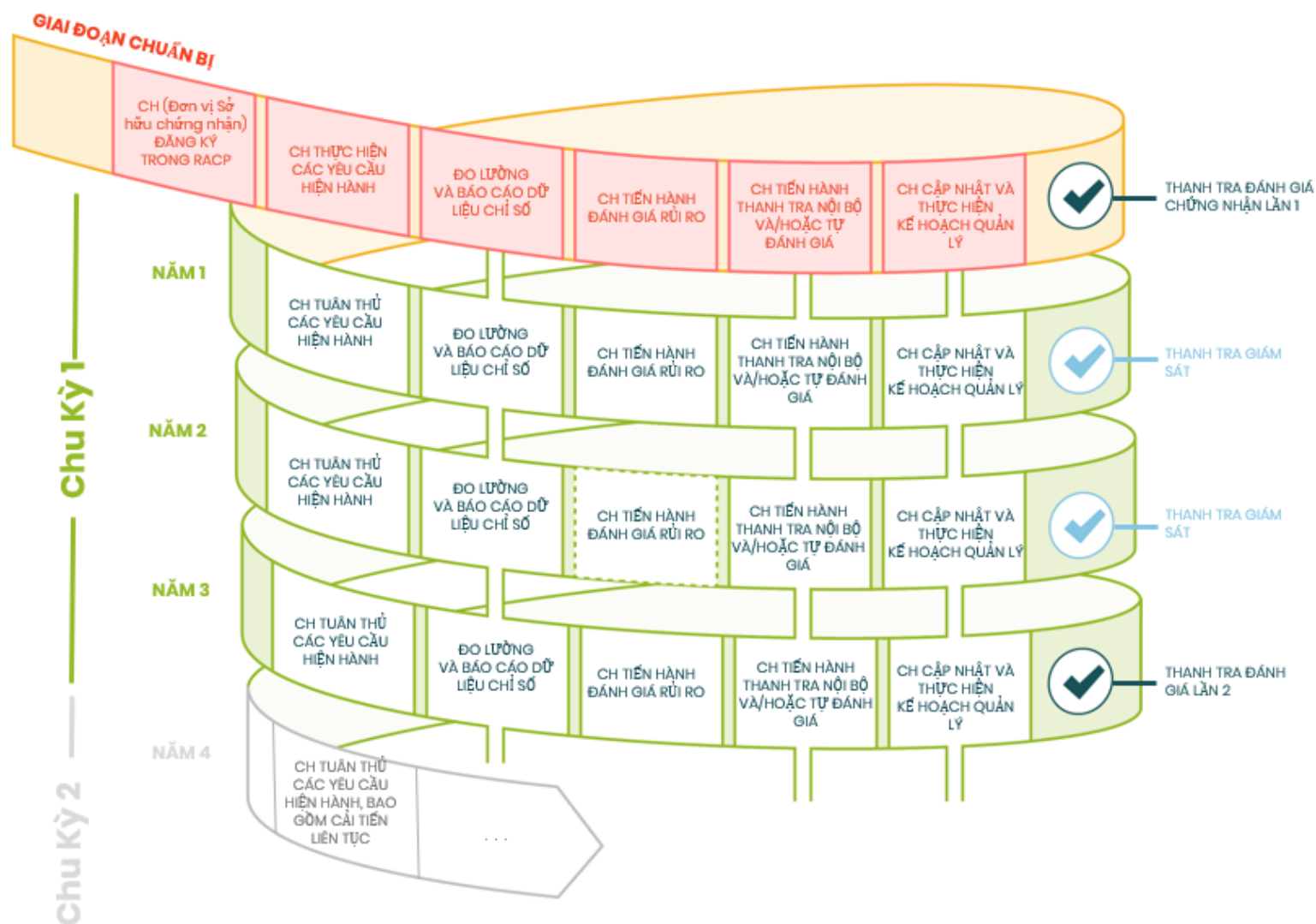
Các công cụ mới trên nền tảng công nghệ thông tin đang được thiết kế và cung cấp để theo dõi và quản lý hiệu quả hơn quá trình thực hiện bền vững theo các yêu cầu của các giải pháp chứng nhận của chúng tôi.

Kết Quả Dài Hạn của Chương Trình



Làm thế nào để được chứng nhận?

Các trang trại và nhóm trang trại muốn đạt được chứng nhận Rainforest Alliance cần phải thực hiện một loạt các hoạt động chính cho mỗi năm.



Làm thế nào để chuẩn bị cho cuộc thanh tra đầu tiên?

ĐĂNG KÝ

Đơn vị sở hữu chứng nhận (CH) tiềm năng đăng ký trên cổng thông tin của chúng tôi, cung cấp thông tin chi tiết ban đầu và chọn lựa chọn chứng nhận theo Tiêu chuẩn Nông nghiệp Tái sinh. Đơn vị Sở hữu Chứng nhận (CH) tiềm năng đăng ký trên cổng thông tin của chúng tôi, cung cấp các thông tin ban đầu và lựa chọn phương án chứng nhận theo Tiêu chuẩn Nông nghiệp Tái sinh, hoặc sử dụng phương án bổ sung Nông nghiệp Tái sinh nếu đã được chứng nhận theo Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững. Sau đó họ cung cấp thêm thông tin để xác định phạm vi chứng nhận của mình và cho phép nền tảng tạo ra các yêu cầu xác minh.

THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU

Dựa trên phạm vi chứng nhận và nhu cầu xác minh, một danh sách các yêu cầu áp dụng sẽ được hệ thống tạo ra. Đơn vị sở hữu chứng nhận có thể bắt đầu triển khai Tiêu Chuẩn dựa trên các yêu cầu này.

KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VỚI TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN (CB)

Đơn vị sở hữu chứng nhận chọn một Tổ Chức Chứng Nhận có trong danh sách cho phạm vi của họ và ký hợp đồng với Tổ Chức Chứng Nhận mà họ đã chọn.

THU THẬP DỮ LIỆU THU THẬP DỮ LIỆU TRANG TRẠI

Các Đơn vị Sở hữu Chứng nhận (CH) trang trại thu thập dữ liệu trang trại, bao gồm dữ liệu địa lý, và nộp các dữ liệu này lên nền tảng. Họ nhận được kết quả đánh giá rủi ro về mất rừng và xâm lấn vào các khu vực được bảo tồn để tích hợp vào nội dung chuẩn bị cho thanh tra nội bộ của mình

ĐÁNH GIÁ RỦI RO

Đơn vị Sở hữu Chứng nhận thực hiện đánh giá rủi ro để xác định các biện pháp giảm thiểu cần thiết và đưa chúng vào kế hoạch quản lý.

THU THẬP DỮ LIỆU CHỈ SỐ

CH thu thập dữ liệu chỉ số theo hướng dẫn của Rainforest Alliance và báo cáo trên nền tảng.

THANH TRA NỘI BỘ

Đối với chứng nhận nhóm, CH tiến hành thanh tra nội bộ để đánh giá sự tuân thủ của tất cả các thành viên trong nhóm. Đối với chứng nhận nhóm, CH tiến hành thanh tra nội bộ để đánh giá sự tuân thủ của tất cả các thành viên trong nhóm.

ĐƠN VỊ SỞ HỮU CHỨNG NHẬN CẬP NHẬT VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ

Dựa trên những phát hiện từ các bước trước, CH cập nhật kế hoạch quản lý và thực hiện các hoạt động còn lại để tuân thủ với tiêu chuẩn.

CUỘC THANH TRA CHỨNG NHẬN ĐẦU TIÊN

Giai đoạn chuẩn bị kết thúc với cuộc thanh tra chứng nhận đầu tiên của chu kỳ chứng nhận. Nếu cuộc thanh tra được thông qua thì sẽ cấp giấy phép chứng nhận, và năm đầu tiên của chu kỳ chứng nhận bắt đầu. Trước đó rất lâu, CH sẽ được cảnh báo trên nền tảng để thực hiện các bước cần thiết nhằm tiếp tục sang năm thứ hai của chu kỳ chứng nhận.

SAU CUỘC THANH TRA CHỨNG NHẬN ĐẦU TIÊN

Chứng nhận trang trại Rainforest Alliance được cấp theo chu kỳ ba năm một lần. Năm 1 bắt đầu sau cuộc thanh tra chứng nhận đạt kết quả được chứng nhận đầu tiên. Trong mỗi năm tiếp theo, các cuộc thanh tra nội bộ và/hoặc bản tự đánh giá sẽ được tiến hành để cung cấp thông tin đầu vào cho kế hoạch quản lý và thực hiện các hành động để đảm bảo tuân thủ. Đánh giá rủi ro cần được thực hiện theo các yêu cầu hiện hành.

Trong hai năm giữa các đợt Thanh Tra Chứng Nhận, tiến hành Thanh Tra Giám Sát để:

- xác minh xem hệ thống quản lý của tổ chức có đảm bảo tuân thủ tất cả các hoạt động thuộc trách nhiệm của mình hay không
- theo dõi tiến độ cải tiến.

Sau cuộc thanh tra chứng nhận thứ hai, chu kỳ chứng nhận thứ hai bắt đầu. Các yêu cầu cải tiến liên tục có hiệu lực trong suốt chu kỳ chứng nhận thứ hai.

Phạm Vi Chứng Nhận Và Các Định Nghĩa Chính

Các yêu cầu áp dụng cho một đơn vị sở hữu chứng nhận (CH) và địa điểm khác nhau dựa theo phạm vi chứng nhận, loại trang trại (quy mô Nhỏ hay Lớn) và giai đoạn chứng nhận.

Phạm vi chứng nhận là gì?

Phạm vi chứng nhận của các yêu cầu đối với Trang Trại là toàn bộ trang trại.

Chương 4: Canh tác tập trung vào cây trồng đạt chứng nhận.

Trang trại CH có thể chọn loại bỏ các đơn vị trang trại riêng biệt về mặt địa lý ra khỏi phạm vi chứng nhận nếu những trang trại này:

- chỉ được sử dụng để sản xuất cây trồng không được chứng nhận tại mọi thời điểm.
- không ở gần các đơn vị trang trại có cây trồng được chứng nhận.

Đối với một CH trang trại có nhiều trang trại, thì họ có thể có một số trang trại được chứng nhận theo các tiêu chuẩn khác nhau của Rainforest Alliance. Ví dụ, một số trang trại có thể chỉ được chứng nhận theo Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững, trong khi những trang trại khác được chứng nhận theo cả Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững và Tiêu chuẩn Nông nghiệp Tái sinh dưới dạng bổ sung.

Tiêu chí nào để xác định trang trại nhỏ hoặc lớn?

Với Tiêu chuẩn này, các trang trại được phân loại thành hai nhóm: Quy mô Nhỏ và quy mô Lớn. Các trang trại quy mô nhỏ là các trang trại có ít hơn 10 lao động dài hạn, trong khi các trang trại quy mô lớn là các trang trại có từ 10 lao động dài hạn trở lên. Rainforest Alliance có thể phân loại các trang trại theo cách khác nếu cách đó được cho là phù hợp hơn.

Yêu cầu bổ sung đối với các trang trại nhỏ có nhiều lao động tạm thời?

Một nhóm nhỏ các yêu cầu chỉ áp dụng cho các trang trại quy mô nhỏ nếu đạt đến ngưỡng lao động tạm thời. Điều này được chỉ định theo từng yêu cầu như sau:

“Đối với các trang trại quy mô Nhỏ, chỉ áp dụng yêu cầu nếu trang trại đang tuyển dụng:

- 10 lao động thời vụ trở lên, mỗi người làm việc liên tục trong ba tháng trở lên và/hoặc
- 50 lao động tạm thời trở lên theo năm dương lịch”

Ai được coi là 'Người lao động'?

Khi đề cập đến 'người lao động', tất cả người lao động bao gồm lao động thường xuyên, lao động tạm thời, lao động được thuê thông qua các nhà cung cấp dịch vụ lao động đều tính. Xem thêm Phụ lục Thuật ngữ.

Hồ sơ Đơn vị sở hữu chứng nhận, Thu thập dữ liệu và Các chỉ số

Hồ sơ của Đơn vị sở hữu chứng nhận (CH) đối với trang trại và nhóm là một sáng kiến mới khác, được sử dụng để trao đổi về hiệu suất bền vững và các cải tiến. Hồ sơ Đơn vị Sở hữu Chứng nhận được định hình bằng dữ liệu và các chỉ số từ Tiêu Chuẩn, cho phép người sản xuất trình bày về kết quả, thách thức và cải tiến của họ. Hồ sơ này có thể trở thành một công cụ hữu ích để thúc đẩy cải tiến liên tục, trao quyền cho nhà sản xuất, xây dựng nhu cầu đối với các sản phẩm được chứng nhận và thu hút đầu tư trong chuỗi cung ứng.

Thông qua Phụ lục Chỉ số, Tiêu chuẩn Nông nghiệp Tái sinh cung cấp cho nhà sản xuất thông tin cần thiết về dữ liệu cần nhập vào Nền tảng Chỉ số, đồng thời vẫn đảm bảo sự đơn giản hoá về số lượng và loại dữ liệu.

Cách Sử Dụng Tài Liệu Này

Tài liệu Tiêu chuẩn Nông nghiệp Tái sinh được chia thành sáu chương, mỗi chương tập trung vào một lĩnh vực cụ thể – quản lý trang trại, khả năng truy nguyên sản phẩm, giá cộng thưởng, canh tác, xã hội và môi trường. Các yêu cầu trong mỗi chương được trình bày trong các bảng như bên dưới.

Tiêu đề chủ đề nêu lên chủ đề về nội dung của các yêu cầu	0.0 CHỦ ĐỀ YÊU CẦU					
Các yêu cầu cơ bản được áp dụng xuyên suốt toàn bộ các giải pháp	Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
			Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
Các yêu cầu đặc thù: áp dụng cho Tiêu chuẩn RA đã được chọn. Các yêu cầu này có thể được chia sẻ với các Tiêu chuẩn RA khác, nhưng không phải tất cả	Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù				
	1.1.1	(Nội dung của yêu cầu tiêu chuẩn)		✓	✓	
Các yêu cầu cải tiến liên tục Được điều chỉnh riêng và chỉ áp dụng trong chu kỳ chứng nhận thứ 2 hoặc thứ 3	1.1.2	(Nội dung của yêu cầu tiêu chuẩn)			✓	✓
	Số thứ tự	Yêu cầu cải tiến liên tục				
	1.1.4	(Nội dung của yêu cầu tiêu chuẩn)	✓	✓	✓	

Dấu kiểm
 Cho thấy yêu cầu áp dụng đối với loại hình chứng nhận và đối tượng nào (xem bên dưới để biết cách diễn giải dấu kiểm)

Những yêu cầu nào được áp dụng, với ai và khi nào?

Dấu kiểm cho biết đối tượng áp dụng của một yêu cầu. Dấu kiểm cho biết đối tượng nào chịu trách nhiệm thực hiện yêu cầu. Trong một số trường hợp, văn bản yêu cầu cung cấp thêm thông tin chi tiết về phạm vi áp dụng. Đối với các nhóm, bất kể có dấu kiểm hay không, ban quản lý nhóm luôn chịu trách nhiệm cuối cùng trong việc thực hiện tất cả các yêu cầu có thể áp dụng của tất cả các tác nhân trong phạm vi của họ.

	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
	Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
Dấu kiểm cho các trang trại quy mô lớn và quy mô nhỏ được chứng nhận cá nhân				
Các trang trại quy mô nhỏ hoặc quy mô lớn được chứng nhận riêng lẻ phải thực hiện các yêu cầu này.*				✓
Dấu kiểm cho ban quản lý nhóm				
Yêu cầu này áp dụng cho toàn bộ nhóm và nhân sự quản lý nhóm chịu trách nhiệm thực hiện yêu cầu này cho tất cả các thành viên trong nhóm (bao gồm cả trang trại quy mô nhỏ và lớn) cũng như cho hoạt động của chính họ.			✓	
Dấu kiểm cho trang trại quy mô lớn				
Quản lý của trang trại quy mô lớn có trách nhiệm thực hiện yêu cầu đối với trang trại của họ.**		✓		
Dấu kiểm cho trang trại quy mô nhỏ				
Nhà vận hành trang trại quy mô nhỏ có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu áp dụng đối với trang trại của họ.**	✓			
Dấu kiểm cho trang trại quy mô lớn và ban quản lý nhóm				
Ban quản lý trang trại quy mô lớn phải thực hiện các yêu cầu cho trang trại của họ, trong khi ban quản lý nhóm thực hiện các yêu cầu đối với các trang trại quy mô nhỏ trong nhóm và hỗ trợ các trang trại quy mô lớn trong nhóm.		✓	✓	
Dấu kiểm cho trang trại quy mô lớn và quy mô nhỏ				
Trang trại quy mô lớn và quy mô nhỏ thực hiện yêu cầu.**	✓	✓		
Dấu kiểm cho trang trại quy mô lớn, quy mô nhỏ và ban quản lý nhóm				
Tất cả các thành viên trong nhóm cần thực hiện các hành động trực tiếp để đáp ứng yêu cầu.	✓	✓	✓	
* Nội dung từng yêu cầu có thể nêu rõ thêm chi tiết về phạm vi/đối tượng áp dụng và trách nhiệm có liên quan, chẳng hạn như: - Nhà sản xuất thực hiện X. [...] - Không áp dụng đối với trang trại quy mô nhỏ trong nhóm. - Quản lý thực hiện Z. - V.v. ** Ban quản lý nhóm luôn chịu trách nhiệm hỗ trợ các thành viên thực hiện các yêu cầu bằng cách cung cấp hướng dẫn, đào tạo, nguồn lực phù hợp và các hình thức hỗ trợ khác khi cần thiết.				

Tổng quan về các Chủ đề của Tiêu chuẩn Nông nghiệp Tái sinh

1. Quản lý	
1.1	Quản lý
1.2	Ban quản lý
1.3	Kế hoạch quản lý và Đánh giá rủi ro
1.4	Thanh Tra Nội Bộ và Tự Đánh Giá
1.5	Cơ chế Khiếu nại
1.6	Bình đẳng giới
1.7	Dữ liệu về các chỉ số
2. Truy nguyên sản phẩm	
2.1	Truy nguyên sản phẩm
2.2	Quản lý truy nguyên trên Nền tảng trực tuyến
2.3	Truy nguyên cân bằng khối lượng giữa chứng nhận và không chứng nhận (Mass balance - MB)
3. Giá cộng thưởng	
3.1	Giá cộng thưởng
4. Hoạt động canh tác	
4.1	Các giống cây trồng
4.2	Phục hồi và Cải tạo Cây trồng
4.3	Sinh vật Biến Đổi Gen (GMO)
4.4	Độ Phì và Bảo Tồn Đất
4.5	Quản Lý Dịch Hại Tổng Hợp (IPM)
4.6	Quản Lý Hóa Chất Nông Nghiệp
4.7	Các thực hành Trong và Sau Thu Hoạch

5. Xã Hội	
5.1	Đánh Giá và Xử Lý, Lao Động Trẻ Em, Lao Động Cường Bức, Phân Biệt Đối Xử, Hành Vi Bạo Lực và Quấy Rối Tại Nơi Làm Việc
5.2	Tự Do Tham Gia Tổ Chức Đoàn Thể và Thương Lượng Tập Thể
5.3	Tiền lương
5.5	Điều Kiện Làm Việc
5.6	Sức khỏe và An toàn
5.7	Nhà Ở và Điều Kiện Sống
5.8	Cộng Đồng
6. Môi Trường	
6.1	Rừng, các hệ sinh thái tự nhiên khác và các khu bảo tồn
6.2	Bảo Tồn và Tăng Cường Hệ Sinh Thái Tự Nhiên và Thảm Thực Vật
6.4	Bảo Vệ Động Vật Hoang Dã và Đa Dạng Sinh Học
6.5	Quản Lý và Bảo Tồn Nước
6.6	Quản Lý Nước Thải
6.7	Quản Lý Chất Thải

Chương 1:

Quản lý



Canh tác vừa là một lối sống vừa là một hoạt động kinh doanh, và giống như bất kỳ doanh nghiệp nào, việc canh tác cần được quản lý tốt. Rainforest Alliance muốn các trang trại được cấp chứng nhận được quản lý một cách hiệu quả, minh bạch, toàn diện và khả thi về mặt kinh tế. Điều quan trọng là các trang trại và nhóm phải triển khai một hệ thống lập kế hoạch và quản lý tổng hợp, với các quy trình và hệ thống để cải tiến liên tục. Lập kế hoạch và quản lý tốt góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả của trang trại, đồng thời giảm thiểu tác động môi trường thông qua việc sử dụng hiệu quả hơn đất đai, nước, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.

Để giúp đạt được kết quả này, chương về Quản lý bao gồm các chủ đề liên quan đến cam kết của ban lãnh đạo, ban quản lý nhóm và trang trại, quản lý dữ liệu, đánh giá về tính bền vững và lập kế hoạch quản lý. Các yêu cầu đối với những chủ đề này tuân theo quy trình đánh giá, lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh.

Dựa vào kết quả Đánh giá rủi ro, xác định các hoạt động làm giảm thiểu và thích ứng cụ thể. Các Ban quản lý nhóm và chủ trang trại đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lập kế hoạch này.

Chương này bao gồm các yêu cầu về việc thu thập dữ liệu địa lý để đảm bảo các sản phẩm được chứng nhận không đến từ các khu vực bị phá rừng hoặc khu bảo tồn, nơi mà hoạt động sản xuất bị nghiêm cấm. Việc thu thập các bản đồ khoanh vùng GPS cung cấp dữ liệu chính xác hơn về diện tích nông trại, điều này cũng giúp ban quản lý ước tính sản lượng dễ dàng và chính xác hơn.

Điều cuối cùng, chương này cũng có chủ đề giới được lồng ghép xuyên suốt. Việc đưa chủ đề này vào chương về quản lý cho thấy giới đóng vai trò quan trọng cơ bản đối với nhiều khía cạnh trong hoạt động nông trại và nhóm.



1. Ban quản lý cam kết với nông nghiệp tái sinh

2. Dữ liệu cơ bản được thu thập về các thành viên trong nhóm, người lao động và dữ liệu vị trí địa lý của các đơn vị trang trại.

3. Ban quản lý tiến hành đánh giá rủi ro và xây dựng kế hoạch quản lý. Ban quản lý hỗ trợ các hành viên nhóm và người lao động bằng cách cung cấp dịch vụ, bao gồm cả đào tạo.



Chương 1 – Kết quả Quản lý

Ban quản lý cung cấp dịch vụ và hỗ trợ cải tiến dựa trên các nhu cầu và rủi ro của các hành viên nhóm hiệu quả hơn

Tăng cường hiểu biết của nông dân và người lao động về các vấn đề về công tác quản lý bền vững và thực hành

Vị thế và năng lực của các nông dân và người lao động nữ được tăng cường.

Người sản xuất và doanh nghiệp có quyền truy cập vào dữ liệu đáng tin cậy và có thể hành động để đưa ra quyết định sáng suốt và đảm bảo tính minh bạch.



4. Việc thanh tra nội bộ và tự đánh giá được thực hiện để đánh giá sự tuân thủ và lập kế hoạch cải tiến



5. Các thành viên nhóm, người lao động, nhân viên và các bên liên quan khác có thể báo cáo một cách an toàn về các vi phạm quyền con người và khiếu nại về bất kỳ vấn đề nào khác.



6. Ban quản lý cam kết nâng cao bình đẳng giới



7. Dữ liệu chỉ số được ban quản lý thu thập và báo cáo chính xác.

1.1 Quản lý

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.1.1	Ban quản lý thể hiện cam kết đối với nông nghiệp bền vững thông qua việc phân bổ đầy đủ nguồn lực và nhân sự để triển khai Chương trình Chứng nhận Rainforest Alliance. Ít nhất ba năm một lần, ban quản lý đánh giá năng lực của mình trong việc thực hiện Tiêu chuẩn của Rainforest Alliance và chứng minh sự cải tiến liên tục qua các đợt đánh giá tiếp theo. Ban quản lý thành lập (các) ủy ban chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề sau: • <u>Cơ chế khiếu nại</u> (xem mục 1.5) • <u>Bình đẳng giới</u> (xem mục 1.6) • <u>Đánh giá và Xử lý</u> (xem mục 5.1) • <u>Sức khỏe và An toàn Lao động</u> (xem mục 5.6) Lưu ý: Một ủy ban có thể phụ trách tất cả các vấn đề này. (Các) Ủy ban: - Bao gồm ít nhất một đại diện lãnh đạo đơn vị có quyền đưa ra quyết định. - Không thiên vị, dễ tiếp cận, nhạy cảm về <u>giới</u> và được <u>các thành viên nhóm/người lao động</u> bao gồm <u>các nhóm dễ bị tổn thương</u> tin tưởng.		✓	✓	✓

1.2 Quản trị

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.2.1	Ban quản lý và các nhà sản xuất tuân thủ theo <u>luật pháp hiện hành</u> liên quan đến phạm vi của Tiêu chuẩn Rainforest Alliance. Bao gồm nhưng không giới hạn trong những điều dưới đây: • Quyền sử dụng đất • Môi trường • Lao động • Quyền con người • Đồng thuận dựa trên nguyên tắc Tự nguyện, có báo trước và được thông tin đầy đủ (FPIC) • Thuế và các vấn đề chống tham nhũng Nếu pháp luật hiện hành có quy định nghiêm ngặt hơn so với yêu cầu trong Tiêu chuẩn thì cần tuân thủ theo luật, trừ khi luật đó không còn hiệu lực. Ngược lại, nếu pháp luật hiện hành có quy định ít nghiêm ngặt hơn so với yêu cầu trong Tiêu chuẩn, thì cần tuân thủ theo yêu cầu của tiêu chuẩn, trừ khi yêu cầu đó nêu rõ việc cho phép tuân thủ luật này.	✓	✓	✓	✓
1.2.2	Có danh sách tổng hợp các <u>nhà cung cấp dịch vụ</u>, nhà cung ứng, các bên trung gian và nhà thầu phụ hiện tại. Các cơ chế, bao gồm hợp đồng, được thiết lập để đảm bảo rằng những đơn vị này tuân thủ các yêu cầu được áp dụng của Tiêu chuẩn đối với các hoạt động của họ trong phạm vi chứng nhận. Đối với các <u>Trang trại</u> - Áp dụng cho công việc tại đồng ruộng, trong chế biến và cung ứng lao động. - Cụm từ “các nhà cung ứng” chỉ đề cập đến các trang trại khác mà CH mua <u>sản phẩm được chứng nhận</u> từ đó. Đối với các <u>trang trại nhỏ</u> trong <u>nhóm</u>, yêu cầu này không áp dụng. <i>Vui lòng xem Tài Liệu Hướng Dẫn SA-G-SD-46 U: phạm vi áp dụng đối với Các Nhà Cung Cấp Dịch Vụ</i>		✓	✓	✓
1.2.3	Một sổ đăng ký các thành viên trong nhóm được duy trì và cập nhật. Thông tin cần thiết của từng thành viên được thu thập bằng cách sử dụng Mẫu Sổ Đăng ký Thành viên Nhóm do Rainforest Alliance cung cấp.			✓	

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.2.4	Cập nhật và lưu giữ thông tin/hồ sơ của từng người <u>lao động thời vụ</u> và <u>lâu dài</u>: - Họ và tên - Giới tính - Năm sinh - Ngày bắt đầu và kết thúc việc làm <u>Tiền lương</u>, bao gồm phúc lợi Đối với những người lao động được cung cấp <u>nhà ở</u>, hồ sơ cần thêm thông tin sau: - Địa chỉ nhà ở - Số lượng thành viên trong gia đình - Năm sinh của thành viên trong gia đình Đối với trẻ em làm các công việc nhẹ (từ 12 đến 15 tuổi) và <u>người lao động trẻ</u> (từ 15 đến 18 tuổi), hồ sơ còn bao gồm: - Địa chỉ nhà ở - Tên và địa chỉ của cha, mẹ hoặc (các) người giám hộ hợp pháp - Đăng ký trường học (nếu có) - Loại công việc hoặc nhiệm vụ - Số giờ làm việc mỗi ngày và mỗi tuần Đối với các trang trại quy mô nhỏ trong nhóm, chỉ áp dụng yêu cầu 1.2.5.		✓	✓	✓
1.2.5	Cập nhật và Lưu giữ danh sách, thông tin của mỗi <u>lao động dài hạn</u>: - Họ và tên - Giới tính - Năm sinh - Tiền lương, bao gồm phúc lợi Đối với người lao động tạm thời, chỉ yêu cầu về số lượng người lao động. Những thành viên nhóm không biết chữ có thể cung cấp thông tin trên bảng miệng.	✓			
1.2.6	Ban quản lý đảm bảo rằng khi Tiêu Chuẩn Rainforest Alliance yêu cầu phải thông báo cho người lao động hoặc thành viên nhóm, phải cung cấp thông tin bằng (các) ngôn ngữ chính mà người lao động hoặc thành viên nhóm sử dụng.		✓	✓	✓

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.2.7	Một bản Thỏa thuận giữa <u>ban quản lý nhóm</u> và từng thành viên nhóm được ký bởi cả hai bên. Dấu vân tay hoặc dấu hiệu nhận dạng có thể được sử dụng thay thế chữ ký. Thỏa thuận bao gồm các nội dung sau: - Các thành viên trong nhóm có nghĩa vụ tuân thủ theo Tiêu Chuẩn của Rainforest Alliance. - Thành viên nhóm có nghĩa vụ chấp nhận kết quả <u>thanh tra nội bộ</u>, thanh tra độc lập và các biện pháp trừng phạt. - Thành viên nhóm đảm bảo rằng bất kỳ sản phẩm nào được bán dưới dạng sản phẩm <u>được chứng nhận</u> chỉ có nguồn gốc từ trang trại của họ. - Thành viên nhóm có quyền kháng cáo các quyết định của <u>ban quản lý nhóm</u> bằng cách sử dụng quy trình <u>kiếu nại</u>. - Thành viên nhóm đồng ý cho phép chia sẻ dữ liệu trang trại của chính mình (chẳng hạn như dữ liệu địa lý, khối lượng, diện tích, v.v.) với ban quản lý nhóm và Rainforest Alliance để sử dụng, phát hành và chia sẻ trong chuỗi cung ứng, như được nêu trong Các Điều Khoản và Điều Kiện Chung và Chính Sách Bảo Mật của Rainforest Alliance. Mỗi thành viên trong nhóm đều hiểu rõ thỏa thuận. Các thỏa thuận được lưu trữ tập trung và mỗi thành viên nhóm được cung cấp một bản sao của thỏa thuận.			✓	
1.2.8	Hồ sơ lưu trữ cho mục đích cấp chứng nhận và tuân thủ được lưu giữ ít nhất 5 năm.	✓	✓	✓	✓
1.2.9	Cần có một bản đồ với cập nhật đầy đủ về khu vực trang trại, bao gồm: - Trang trại/<u>đơn vị trang trại</u>/khu vực sản xuất - Cơ sở chế biến - Khu vực dân cư - Trường học - Trung tâm y tế/địa điểm sơ cứu <u>Hệ sinh thái tự nhiên</u>, bao gồm các diện tích mặt nước, <u>rừng</u>, và các <u>thảm thực vật tự nhiên có sẵn khác</u> - Khu vực <u>vùng đệm ven sông</u> <u>Các hệ thống nông lâm kết hợp</u> - Khu vực <u>phòng hộ</u> Bản đồ cũng bao gồm các khu vực <u>rủi ro</u> được xác định trong <u>Đánh giá rủi ro</u> (xem mục 1.3.1). Ngày cập nhật mới nhất được ghi rõ trên bản đồ. <u>Các trang trại quy mô lớn</u> trong các nhóm cần cung cấp một bản đồ trang trại. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-4 Hướng Dẫn C: Cách Tạo một Bản Đồ Trang Trại</i>		✓	✓	✓

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.2.10	Thu thập dữ liệu địa lý của 100% các đơn vị trang trại có cây trồng được chứng nhận của <u>trang trại</u>. Ít nhất 35% trang trại có dữ liệu địa lý ở dạng <u>bản đồ khoanh vùng</u> GPS. Trước đợt thanh tra chứng nhận thứ hai, tất cả các đơn vị trang trại đều có bản đồ khoanh vùng. <i>Xem Phụ lục A-04-SCRL-B-CH - Quản lý</i> <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-5 Hướng Dẫn D: Yêu Cầu Về Dữ liệu địa lý và Bản Đồ Rủi Ro</i>			✓	
1.2.11	Thu thập dữ liệu địa lý dạng bản đồ khoanh vùng cho mỗi đơn vị trang trại. <i>Xem Phụ lục A-04-SCRL-B-CH - Quản lý</i> <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-5 Hướng Dẫn D: Yêu Cầu Về Dữ liệu địa lý và Bản Đồ Rủi Ro</i>		✓		✓

1.3 Kế hoạch Quản lý và Đánh giá rủi ro

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.3.1	Ban quản lý tiến hành đánh giá rủi ro liên quan đến các yêu cầu trong tiêu chuẩn này, bằng cách sử dụng Công Cụ Đánh giá rủi ro, ít nhất ba năm một lần. Nếu cần thiết, đánh giá rủi ro có thể được xem xét và cập nhật hàng năm. Trong <u>kế hoạch quản lý</u> phải có các biện pháp giảm thiểu rủi ro. <i>Vui lòng xem A-11-SCRL-B-FA Công cụ Đánh giá rủi ro</i>		✓	✓	✓
1.3.2	Ban quản lý lập một kế hoạch quản lý bao gồm các mục tiêu và hành động dựa trên kết quả Đánh giá rủi ro (1.3.1) và bản <u>tự đánh giá</u> (1.4.2). Đối với các nhóm, kế hoạch quản lý còn dựa trên kết quả thanh tra nội bộ (1.4.1). Ban quản lý báo cáo việc thực hiện kế hoạch quản lý hàng năm. Kế hoạch quản lý được cập nhật hàng năm. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-3 Hướng dẫn B: Mẫu Kế Hoạch Quản Lý</i>		✓	✓	✓
1.3.3	Ban quản lý cung cấp cho các thành viên trong nhóm và người lao động được nhóm tuyển dụng các dịch vụ dựa trên kế hoạch quản lý. Các dịch vụ có thể bao gồm đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ lưu trữ hồ sơ, tiếp cận vật tư đầu vào (ví dụ: cây giống), các hoạt động nâng cao nhận thức, v.v. Ban quản lý ghi chép lại các dịch vụ đã cung cấp. Đối với Đào tạo, các chủ đề sau đây được thực hiện ít nhất một năm một lần: • Các thực hành Thanh Tra Nội Bộ tốt, kèm theo đánh giá sau tập huấn (Đối với tất cả các thanh tra viên nội bộ) • Đào tạo về <u>Chiến lược Quản lý Dịch hại Tổng hợp</u> như nêu ở mục 4.5.1 • Sức khỏe và An toàn Lao động và Quy trình <u>Khẩn cấp</u> <i>Xem Phụ lục A-04-SCRL-B-CH - Quản lý</i>			✓	
1.3.4	Ban quản lý cung cấp cho người lao động các dịch vụ dựa trên kế hoạch quản lý. Các dịch vụ có thể bao gồm hoạt động đào tạo, nâng cao nhận thức, v.v. Ban quản lý ghi chép lại các dịch vụ đã cung cấp. Đối với Đào tạo, các chủ đề sau đây được thực hiện ít nhất một năm một lần: • Đào tạo về <u>Chiến lược Quản lý Dịch hại Tổng hợp</u> như nêu ở mục 4.5.1 • Sức khỏe và An toàn Lao động và Quy trình <u>Khẩn cấp</u>		✓		✓

1.4 Thanh tra Nội bộ và Tự Đánh giá

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.4.1	Ban quản lý có hệ thống thanh tra nội bộ để đánh giá tuân thủ hằng năm của tất cả <u>các bên</u> trong <u>phạm vi chứng nhận</u>. Hệ thống bao gồm: - Đối với các <u>Trang trại</u>: trang trại của các thành viên nhóm, <u>cơ sở chế biến</u> và/hoặc nhà kho và bất kỳ (các) tác nhân nào khác (bao gồm các nhà thầu phụ, đơn vị trung gian, nhà cung cấp dịch vụ). Tất cả các tác nhân đều được thanh tra nội bộ trước khi thanh tra chứng nhận lần đầu: Trong năm đầu tiên của chu kỳ chứng nhận, thanh tra nội bộ bao gồm tất cả các yêu cầu có áp dụng của Tiêu Chuẩn. - Sau cuộc thanh tra chứng nhận đầu chu kỳ, quy mô thanh tra nội bộ bao gồm: 100% các trang trại quy mô lớn là thành viên của một nhóm - Ít nhất 35% số <u>trang trại quy mô nhỏ</u>, đảm bảo rằng tất cả các trang trại quy mô nhỏ đều được kiểm tra sau ba năm. - Đối với các trang trại có nhiều đơn vị trang trại: - Việc lựa chọn mẫu đơn vị trang trại để thanh tra nội bộ được thực hiện dựa trên rủi ro. - Ưu tiên cho các đơn vị chưa được kiểm tra trước đó. - Tất cả các tác nhân mới đều được thanh tra nội bộ trước khi gia nhập nhóm. Trong các năm kế tiếp, các yêu cầu được thanh tra nội bộ sẽ dựa trên Đánh giá rủi ro (đối với trang trại, xem mục 1.3.1), kết quả thanh tra nội bộ của năm trước đó và các kết quả thanh tra độc lập trước đó. <i>Xem Phụ lục A-04-SCRL-B-CH - Quản lý</i>			✓	
1.4.2	Hàng năm, ban quản lý tiến hành tự đánh giá về khả năng tuân thủ của ban quản lý, và của tất cả các đơn vị trong <u>phạm vi chứng nhận</u>, với các yêu cầu có liên quan trong Tiêu chuẩn. Đối với các nhóm, Ban quản lý sử dụng kết quả các cuộc thanh tra nội bộ nêu trong mục 1.4.1 để hoàn thành việc tự đánh giá.			✓	✓

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.4.3	Một hệ thống phê duyệt và xử lý vi phạm được thiết lập nhằm đảm bảo các thành viên trong nhóm tuân thủ Chương trình Chứng nhận Rainforest Alliance. Hệ thống bao gồm: • Thủ tục phê duyệt và xử phạt lập thành văn bản • Người quản lý hoặc ủy ban phê duyệt và xử phạt • Cơ chế để theo dõi các biện pháp cải thiện và khắc phục của các thành viên nhóm • Quyết định về trạng thái chứng nhận của từng thành viên nhóm đã được ký kết, lập thành văn bản và đưa vào báo cáo thanh tra nội bộ chính thức			✓	

1.5 Cơ chế Khiếu nại

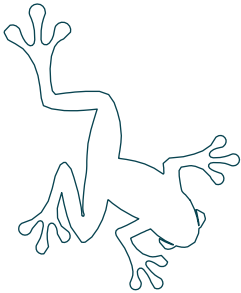
Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.5.1	Có Cơ chế khiếu nại cho phép các cá nhân, người lao động, <u>cộng đồng</u>, hoặc tổ chức dân sự, bao gồm cả người tố cáo, đưa ra khiếu nại về hoạt động của <u>Đơn vị sở hữu chứng nhận</u>. Khiếu nại có thể liên quan đến bất kỳ phần nào của Tiêu chuẩn, bao gồm các vấn đề về kỹ thuật, xã hội hoặc kinh tế. Cơ chế khiếu nại có thể do Đơn vị sở hữu chứng nhận tự thực hiện hoặc bên thứ ba cung cấp như một dịch vụ. Cơ chế khiếu nại (xem yêu cầu 1.1.1) phải bao gồm ít nhất các yếu tố sau: • Người đại diện nhóm nông hộ hoặc người lao động là thành viên của ủy ban • Khiếu nại được gửi bằng bất kỳ ngôn ngữ nào và ai cũng có thể tiếp cận được cơ chế khiếu nại mà không cần biết đọc hay có kết nối mạng internet. • Chấp nhận các khiếu nại ẩn danh với <u>tính bảo mật</u>. • <u>Khắc phục</u> các vấn đề về quyền con người và quyền lao động theo <u>Quy trình Khắc phục</u>. • Ghi chép lại quá trình và chia sẻ cập nhật kịp thời việc xử lý khiếu nại và hành động đã thực hiện đối với những người bị ảnh hưởng. • Bảo vệ người gửi đơn khiếu nại khỏi việc bị trả thù. <i>Xem Phụ lục A-08-SCRL-B-CH - Xã hội</i> <i>Vui lòng xem Tài liệu Hướng dẫn SA-G-SD-6 E: Cơ Chế Khiếu Nại</i>			✓	✓

1.6 Bình Đẳng Giới

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.6.1	Ban quản lý cam kết thúc đẩy bình đẳng giới bằng cách: • Thông báo bằng văn bản tới các thành viên nhóm hoặc người lao động • Chỉ định một ủy ban (xem mục 1.1.1) chịu trách nhiệm thực hiện, giám sát và đánh giá các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới và <u>trao quyền</u> cho phụ nữ • Đảm bảo ủy ban bao gồm ít nhất một đại diện lãnh đạo có quyền đưa ra quyết định và ít nhất một người từ mỗi giới. Lưu ý: Trong các nhóm trang trại quy mô nhỏ, có thể chỉ định một người chịu trách nhiệm thay vì một ủy ban. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-7 Hướng Dẫn F: Bình đẳng giới</i>			✓	✓

1.7 Dữ liệu về các chỉ số

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
1.7.1	Ban quản lý thu thập dữ liệu chính xác về các <u>chỉ số</u> liên quan đến Tiêu chuẩn Rainforest Alliance và báo cáo dữ liệu này qua Nền tảng Chứng nhận của Rainforest Alliance. <i>Vui lòng xem Phụ lục A-10-SCRL-B-CH - Các chỉ số</i> <i>Vui lòng tham khảo A-25-SRCL-N-FA-Hướng dẫn của Rainforest Alliance: Thu thập, xác minh và xác thực các Điểm Dữ liệu.</i>			✓	✓



CHƯƠNG 2:

Truy nguyên sản

phẩm

Một chương trình chứng nhận nông nghiệp tái sinh thành công và đáng tin cậy phải tạo được sự tin tưởng cho người dùng rằng các sản phẩm được chứng nhận được sản xuất theo đúng Tiêu chuẩn.

Điều này đòi hỏi một hệ thống vững mạnh và minh bạch để theo dõi sản phẩm từ khâu người nông dân xuyên suốt chuỗi cung ứng đến nhà bán lẻ.

1. Việc ước tính chính xác, phân tách và ghi chép đầy đủ sản lượng giúp nâng cao khả năng truy nguyên của các sản phẩm được chứng nhận.

2. Tất cả các giao dịch được ghi lại trong hệ thống quản lý truy nguyên sản phẩm của Rainforest Alliance. Việc sử dụng nhãn hiệu Rainforest Alliance phải tuân theo Chính sách về Sử dụng Nhãn hiệu và Thương hiệu.

Các yêu cầu trong chương này cung cấp cho nhà sản xuất một khung hướng dẫn để ghi nhận chính xác và đáng tin cậy số lượng sản phẩm được chứng nhận, phân tách chúng với các sản phẩm khác được chứng nhận bởi Rainforest Alliance và các sản phẩm chưa được chứng nhận, đồng thời quản lý các giao dịch bán hàng, phương pháp chuyển đổi và việc sử dụng nhãn hiệu.

Chương 2 – Kết quả đạt được về Khả năng truy

Nâng cao mức độ tin cậy của hệ thống đảm bảo chất lượng và hệ thống truy nguyên của sản phẩm được chứng nhận

3. Đối với các cây trồng cho phép cấp độ truy nguyên trộn lẫn giữa chứng nhận và không chứng nhận theo tỷ lệ công bố, cần tuân theo các quy định bán dưới dạng sản phẩm được chứng nhận

2.1 Truy Nguyên Sản Phẩm

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
2.1.1	Tổng sản lượng được chứng nhận và sản lượng được chứng nhận của mỗi người sản xuất (tính bằng kg hoặc tính bằng cánh đối với hoa) được ước tính mỗi năm một lần. Các tính toán này dựa trên hệ phương pháp đáng tin cậy để ước tính sản lượng (tính bằng kg/ha hoặc cánh/ha đối với hoa) của mẫu đại diện trên tổng số trang trại hoặc đơn vị trang trại. Phương pháp và cách tính toán được ghi chép lại. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-8 Hướng Dẫn G: Ước tính sản lượng</i>			✓	✓
2.1.2	Ban quản lý kiểm kê hàng năm: - Tổng sản lượng được chứng nhận đã thu hoạch (tính bằng kg, tính theo thân cây đối với cây hoa) - Số tồn kho sản phẩm đã mua, sản xuất, bán và lưu kho Trong trường hợp chênh lệch giữa sản lượng ước tính và sản lượng thực tế vượt quá 15%, cần có lý do hợp lý được đưa ra và thực hiện các biện pháp để ngăn ngừa sự chênh lệch như vậy xảy ra. Đối với nhóm, các chênh lệch được kiểm tra và giải trình cả ở cấp độ nhóm và đối với từng thành viên.		✓	✓	✓
2.1.3	Các sản phẩm được chứng nhận theo Tiêu chuẩn Rainforest Alliance phải được tách biệt rõ ràng với các sản phẩm chưa được chứng nhận và với nhau ở tất cả các giai đoạn, bao gồm vận chuyển, bảo quản và chế biến.			✓	✓
2.1.4	Ban quản lý lên sơ đồ quy trình sản xuất sản phẩm từ trang trại cho tới điểm cuối cùng thuộc phạm vi chứng nhận, bao gồm tất cả các bên trung gian (điểm thu mua, đơn vị vận chuyển, chế biến, kho bãi, v.v.) và các hoạt động thực hiện trên sản phẩm.			✓	✓
2.1.5	Các sản phẩm được chứng nhận có thể được truy xuất về (các) trang trại đạt chứng nhận nơi mà các sản phẩm đó được sản xuất. Ban quản lý lưu giữ các tài liệu mua và bán khớp với những lần giao hàng thực tế của các sản phẩm được chứng nhận, đa chứng nhận và không được chứng nhận, đồng thời đảm bảo rằng các đơn vị trung gian cũng thực hiện tương tự. Các chứng từ mua bán bao gồm ngày giao dịch, (các) tiêu chuẩn áp dụng, loại sản phẩm, (tỷ lệ) khối lượng được chứng nhận, thông tin thành viên nhóm và, nếu phù hợp, loại hình truy nguyên. Trong trường hợp chứng nhận nhóm, ban quản lý nhóm đảm bảo rằng các thành viên nhóm nhận được biên nhận cho mỗi lần giao hàng từ thành viên nhóm đến nhóm hoặc đơn vị trung gian, xác định tên thành viên nhóm, mã số thành viên nhóm, ngày tháng, loại và khối lượng sản phẩm. <i>Xem Phụ lục A-05-SCRL-B-CH - Truy nguyên sản phẩm</i>			✓	✓

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
2.1.6	Khối lượng các sản phẩm chứng nhận <u>được bán (giao)</u> không vượt quá tổng lượng sản xuất (đối với trang trại), khối lượng sản phẩm được chứng nhận đã mua cộng với số hàng tồn kho từ năm trước.			✓	✓
2.1.7	Không có tình trạng <u>bán cùng một khối lượng sản phẩm hai lần</u> . Một khi khối lượng sản phẩm theo Tiêu chuẩn Rainforest Alliance được bán dưới dạng hàng thường, hoặc theo chương trình hoặc sáng kiến bền vững khác, thì khối lượng sản phẩm đó sẽ không còn để bán tiếp nữa. <i>Xem Phụ lục A-05-SCRL-B-CH - Truy nguyên sản phẩm</i>			✓	✓
2.1.8	Các thành viên trong nhóm lưu giữ hoá đơn bán hàng (dạng điện tử hoặc bản giấy), bao gồm tên thành viên nhóm, mã số thành viên nhóm, ngày, loại sản phẩm và khối lượng.	✓	✓		
2.1.9	Phương pháp đúng để tính toán các nhân tố khi chuyển đổi sản phẩm được minh chứng và tài liệu hóa đối với mỗi loại sản phẩm chứng nhận và được phản ánh tương ứng trên <u>hệ thống quản lý truy nguyên</u> Áp dụng cho các trang trại quy mô lớn trong một nhóm, nếu họ có hoạt động chế biến trong phạm vi chứng nhận. <i>Xem Phụ lục A-05-SCRL-B-CH - Truy nguyên sản phẩm</i>		✓	✓	✓
2.1.10	Thiết bị được sử dụng để đo trọng lượng hoặc thể tích của sản phẩm được chứng nhận được hiệu chỉnh hàng năm.		✓	✓	✓

2.2 Truy Nguyên Sản Phẩm Trên Hệ Thống Quản Lý Trực Tuyến

Áp dụng cho các Đơn vị sở hữu chứng nhận làm việc với cây trồng có áp dụng truy nguyên trực tuyến trong Chương trình Chứng nhận của Rainforest Alliance.

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
2.2.1	Bất kì hoạt động nào liên quan đến khối lượng chứng nhận (chẳng hạn như khai báo kết thúc chuỗi truy nguyên, loại bỏ, bán hàng, mua hàng, xác nhận, v.v.) phải được khai báo trên hệ thống quản lý truy nguyên của Rainforest Alliance trong vòng hai tuần sau khi kết thúc quý mà hoạt động đó được thực hiện. <i>Xem Phụ lục A-05-SCRL-B-CH - Truy nguyên sản phẩm</i>			✓	✓
2.2.2	Người mua sản phẩm được Rainforest Alliance chứng nhận thường xuyên xác minh rằng các giao dịch trên nền tảng truy nguyên sản phẩm khớp với các hóa đơn cho sản phẩm được chứng nhận.			✓	✓
2.2.3	Xin phê duyệt trước khi sử dụng các công bố sản phẩm chứng nhận dành cho công chúng trên bao bì và ngoài bao bì. Cung cấp bằng chứng rằng bất cứ <u>công bố sản phẩm chứng nhận Rainforest Alliance</u> đưa ra đều hợp lệ và tuân thủ với các yêu cầu trong Chương trình Chứng nhận của Rainforest Alliance.			✓	✓
2.2.4	<u>Phí bản quyền</u> được thanh toán đầy đủ mà không có bất kỳ khoản khấu trừ thuế nào, theo các điều khoản thanh toán được quy định trong Bản Thỏa thuận cấp phép, Các Điều khoản và Điều kiện và/hoặc hóa đơn phát sinh. <i>Xem Phụ lục A-05-SCRL-B-CH - Truy nguyên sản phẩm</i>			✓	✓

2.3 Cấp Độ Truy Nguyên Trộn Lẫn Giữa Chứng Nhận Và Không Chứng Nhận Theo Tỷ Lệ Công Bố (Mass balance)

Chỉ áp dụng cho các Đơn vị sở hữu chứng nhận thực hiện cân bằng khối lượng trong các loại cây trồng cấp phép truy nguyên nguồn gốc dưới dạng cân bằng khối lượng.

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trạng thái đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
2.3.1	Khối lượng chỉ được chuyển đổi đối với những quy trình có thể xảy ra trong thực tế; việc chuyển đổi sản phẩm không thể quay trở lại sản phẩm trước đó. <i>Xem Phụ lục A-05-SCRL-B-CH - Truy nguyên sản phẩm</i>			✓	✓
2.3.2	Các khối lượng được bán ở <u>cấp truy nguyên cân bằng khối lượng (MB)</u> đảm bảo khớp 100% khối lượng mua vào dưới dạng được chứng nhận. Số dư cân đối khối lượng âm không được phép vào bất kỳ thời điểm nào.			✓	✓
2.3.3	Khi chuyển đổi giữa các Đơn vị sở hữu chứng nhận, khối lượng sản phẩm theo cấp độ truy nguyên cân bằng khối lượng luôn phải đi kèm một lô hàng thực tế. Chỉ được phép mua bán khối lượng sản phẩm mà không đi kèm lô hàng thực tế giữa các cơ sở thuộc cùng phạm vi chứng nhận.			✓	✓
2.3.4	Khối lượng đã bán dưới dạng được chứng nhận đáp ứng các yêu cầu phần trăm tối thiểu đối với thông tin xuất xứ. Yêu cầu này chỉ áp dụng đối với các sản phẩm cao có loại truy nguyên cân bằng khối lượng (MB) theo các nguyên tắc đối chiếu nguồn gốc xuất xứ như qui định. <i>Xem Phụ lục A-05-SCRL-B-CH - Truy nguyên sản phẩm</i>			✓	✓
2.3.5	Tài liệu mua và bán khối lượng sản phẩm dưới dạng được chứng nhận phải bao gồm thông tin xuất xứ ở cấp quốc gia đối với cả khối lượng đầu vào được chứng nhận và không được chứng nhận. Chỉ áp dụng đối với các sản phẩm cao có cân bằng khối lượng (mass balance) theo nguyên tắc đối chiếu nguồn gốc xuất xứ. <i>Xem Phụ lục A-05-SCRL-B-CH - Truy nguyên sản phẩm</i>			✓	✓



Chương 3:

Giá cộng thưởng

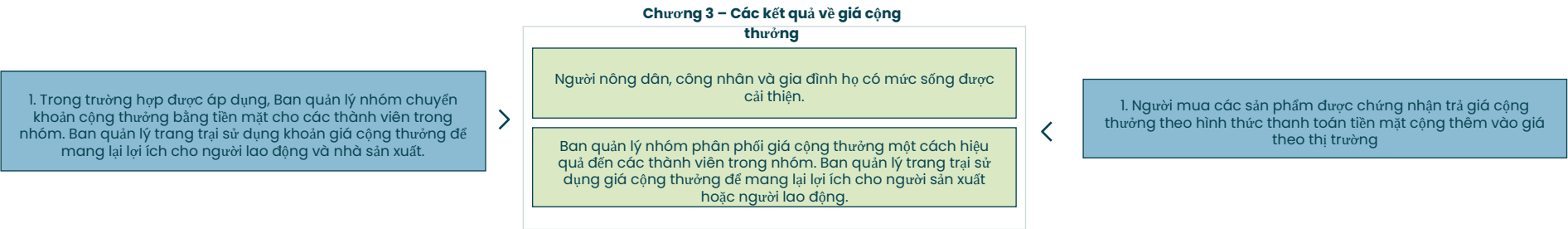
Rainforest Alliance hướng tới mục đích đưa tính bền vững trở thành tiêu chuẩn trong các lĩnh vực hoạt động của mình.

Điều này yêu cầu phải chuyển đổi cơ bản các nguyên lý chuỗi cung ứng sang tính bền vững về giá trị và giá cả trong sản xuất nông nghiệp như một dịch vụ vật chất. Thị trường và nhà sản xuất cùng chia sẻ chi phí thúc đẩy các thực hành bền vững tại nơi sản xuất.

Các mục tiêu này được triển khai thông qua yếu tố Giá cộng thưởng trong Tiêu chuẩn Nông nghiệp Tái sinh.

Chúng tôi tin rằng nông dân cần được trả công xứng đáng cho những nỗ lực của họ trong thực hành nông nghiệp tái sinh, với mức đền bù cao hơn tương ứng với mức độ nỗ lực lớn hơn.

Khi một trang trại có cả Chứng nhận Nông nghiệp Bền vững và Chứng nhận Nông nghiệp Tái sinh, các doanh nghiệp được khuyến khích thể hiện giá trị gia tăng này trong hoạt động thu mua của mình. Trong những trường hợp như vậy, chúng tôi kỳ vọng người sản xuất được chứng nhận theo cả hai tiêu chuẩn sẽ nhận được mức thù lao cao hơn so với khi chỉ được chứng nhận theo một tiêu chuẩn. Để hỗ trợ sự chuyển đổi này, chúng tôi sẽ tiếp tục theo dõi chặt chẽ các dữ liệu liên quan đến giá cộng thưởng.

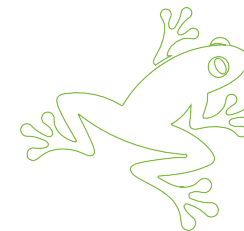


3.1 Tiền/Giá cộng thưởng

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
3.1.1	Việc thanh toán <u>giá cộng thưởng</u> phải được báo cáo trên nền tảng truy nguyên sản phẩm. Đối với những loại cây trồng có quy định về giá cộng thưởng tối thiểu, số tiền thanh toán phải đáp ứng ít nhất số tiền yêu cầu. <i>Vui lòng xem Phụ lục A-06-SCRL-B-CH Tiền/Giá cộng thưởng</i>			✓	✓
3.1.2	Các Đơn vị Sở hữu Chứng nhận chịu trách nhiệm phải có hợp đồng hoặc thoả thuận ký kết quy định rõ số tiền phải trả và các điều khoản, điều kiện thanh toán theo từng kỳ/tháng/chứng nhận. Tiền cộng thưởng không thể thanh toán bằng hiện vật và phải được chi trả một cách đầy đủ theo các điều khoản thanh toán đối với mỗi loại cây trồng được qui định cụ thể ở phụ lục này. <i>Vui lòng xem Phụ lục A-06-SCRL-B-CH Tiền/Giá cộng thưởng</i>			✓	✓
3.1.3	<u>Ban quản lý nhóm</u> phân phối ít nhất 40% tiền thưởng dưới dạng tiền mặt hoặc các khoản thanh toán tiền tệ khác cho <u>các thành viên trong nhóm</u> một cách kịp thời và thuận tiện trước mùa vụ tiếp theo, hoặc tối thiểu hàng năm trong trường hợp thu hoạch liên tục. Các thành viên trong nhóm sẽ nhận được giá cộng thưởng theo tỷ lệ tương ứng dựa trên khối lượng đã giao. Ban quản lý nhóm ghi lại và báo cáo về: • <u>giá cộng thưởng</u> nhận được theo khối lượng chứng nhận và tổng số tiền • số tiền đã thanh toán cho các thành viên trong nhóm • cách <u>giá cộng thưởng</u> được ban quản lý nhóm sử dụng, theo tỷ lệ phần trăm của tổng số tiền. <i>Vui lòng xem Phụ lục A-06-SCRL-B-CH Tiền/Giá cộng thưởng</i>			✓	
3.1.4	Bất kỳ khoản <u>tiền thưởng</u> nào đã thanh toán đều phải được chi tiêu để đem lại lợi ích cho <u>nhà sản xuất</u> hoặc <u>người lao động</u>. Ban quản lý sẽ lưu hồ sơ về: • <u>Tiền thưởng</u> đã nhận được theo khối lượng và tổng số tiền. • Việc phân bổ Tiền thưởng theo tỷ lệ phần trăm của số tiền nhận được theo khối lượng, và việc này mang lại lợi ích cho nhà sản xuất hoặc người lao động như thế nào. <i>Vui lòng xem Phụ lục A-06-SCRL-B-CH Tiền/Giá cộng thưởng</i>		✓		✓

Chương 4:

Hoạt động canh tác



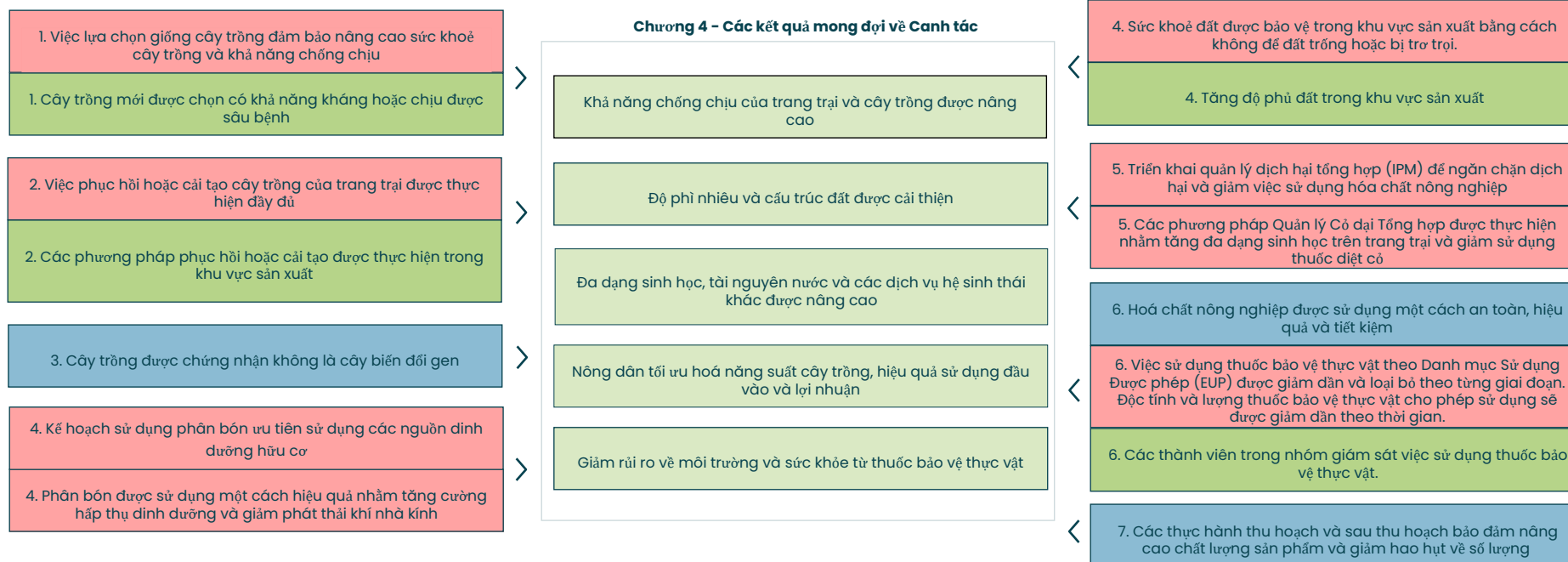
Chương này tập trung vào các phương pháp và biện pháp mang lại kết quả của nông nghiệp tái sinh, bao gồm phục hồi sức khoẻ và độ phì nhiêu của đất, cải thiện sức khoẻ và khả năng chống chịu của cây trồng, tăng cường đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái ở cấp trang trại, nâng cao chất lượng và khả năng cung cấp nước, cùng với việc cải thiện sinh kế bền vững cho nông dân nhờ giảm bớt chi phí. Chương này cũng nhấn mạnh việc giảm sử dụng hoá chất nông nghiệp trong khi vẫn duy trì hệ thống sản xuất nông nghiệp hiệu quả.

Các yêu cầu và thực hành kết hợp trong chương này góp phần đạt được những kết quả này. Các phương pháp tái sinh liên quan đến phục hồi và bảo tồn đất, quản lý sâu bệnh tổng hợp, phục hồi cây trồng, cải tạo và đa dạng hoá cây trồng góp phần vào việc phục hồi chức năng hệ sinh thái. Các phương pháp này cũng hỗ trợ việc hấp thụ cacbon và giảm phát thải

khí nhà kính, đồng thời nâng cao năng suất lâu dài và khả năng chống chịu trước biến đổi khí hậu và các biến động thị trường.

Các yêu cầu này thúc đẩy các phương pháp phù hợp với bối cảnh và điều kiện địa phương, hoạt động hoà hợp với hệ sinh thái tự nhiên thay vì chống lại chúng. Bằng cách tăng cường các chu trình tự nhiên, lượng chất hữu cơ trong đất được cải thiện, quá trình thụ phấn và kiểm soát sâu bệnh tự nhiên được nâng cao, khả năng thấm và giữ nước của đất được cải thiện, đồng thời giảm nhu cầu sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật tổng hợp.

Cuối cùng, nông nghiệp tái sinh góp phần nâng cao đời sống người nông dân bằng cách thúc đẩy sinh kế bền vững và ổn định thông qua việc tăng năng suất, chất lượng cây trồng và mở rộng phạm vi tiếp cận các thị trường ngách. Tất cả những yếu tố này đều là một phần của hệ thống toàn diện nhằm phục hồi hệ sinh thái và duy trì sự bền vững kinh tế lâu dài, đồng thời khi kết hợp với các chính sách hỗ trợ sẽ thúc đẩy sự chuyển đổi ở quy mô lớn.



4.1 Các giống cây trồng

Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trạng trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.1.4	Các giống cây được lựa chọn để trồng, ghép hoặc cải tạo cần xem xét các yếu tố sau: - Cây trồng phải khỏe mạnh và không bị sâu bệnh. - Cây trồng phải phù hợp với điều kiện canh tác và khí hậu địa phương. - Đối với việc cải tạo hoặc tái canh, cần ưu tiên các giống cây có khả năng kháng hoặc chịu được sâu bệnh, dựa trên tác động về kinh tế của chúng trong bối cảnh địa phương. Các tiêu chí sử dụng phải được người sản xuất xác định rõ và chứng minh được. - Nếu lựa chọn giống không kháng hoặc không chịu được sâu bệnh, người sản xuất phải thực hiện thêm các biện pháp Quản lý Dịch hại Tổng hợp (IPM) để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu rủi ro lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật. <i>Xem Phụ lục A-07-SCRL-B-FA - Canh tác</i>	✓	✓		✓
Số thứ tự	Yêu cầu cải tiến liên tục				
4.1.5	Khi thực hiện các hoạt động cải tạo hoặc tái canh, ít nhất 50% cây trồng mới phải có khả năng kháng hoặc chịu được những loại sâu bệnh mà người sản xuất xác định là có ảnh hưởng về kinh tế.	✓	✓		✓

4.2 Phục hồi và Cải tạo Cây trồng

Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.2.2	Nông dân phải thực hiện các biện pháp phục hồi hoặc cải tạo (bao gồm cắt tỉa) phù hợp với điều kiện trang trại nhằm nâng cao sức khoẻ và năng suất cây trồng. <i>Xem Phụ lục A-07-SCRL-B-FA - Canh tác</i> <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-10 Hướng Dẫn I: Cắt cành, tạo tán</i>	✓	✓		✓
Số thứ tự	Các yêu cầu cải tiến liên tục				
4.2.3	Người sản xuất thực hiện các biện pháp phục hồi hoặc cải tạo (bao gồm cắt tỉa) trên ít nhất 20% diện tích canh tác vào lần thanh tra chứng nhận thứ 2, và tăng lên ít nhất 60% vào lần thanh tra chứng nhận thứ 3. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-10 Hướng Dẫn I: Cắt tỉa cành, tạo tán</i>		✓		✓
4.2.4	Ít nhất 40% thành viên của nhóm phải tuân thủ một chu kỳ tỉa cành được xác định rõ ràng kể từ lần thanh tra chứng nhận thứ hai, và tỷ lệ này phải tăng lên 60% vào lần thanh tra chứng nhận thứ ba. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-10 Hướng Dẫn I: Cắt cành, tạo tán</i>	✓	✓		

4.3 Sinh vật Biến Đổi Gen (GMOs)

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.3.1	Cây trồng được chứng nhận không là giống/cây biến đổi gen (GMO).	✓	✓	✓	✓

4.4 Độ Phì Đất Và Bảo Tồn Đất

Số thứ tự	Các yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.4.7	Hàng năm, ban quản lý phải thực hiện đánh giá đất hoặc lá. Đối với các trang trại nhỏ trong nhóm, ban quản lý nhóm thực hiện đánh giá đất hoặc đánh giá qua lá hàng năm theo lịch luân phiên cho tối thiểu 20% thành viên nhóm, tối đa là 100 thành viên, nhằm đảm bảo tất cả các trang trại nhỏ hoàn thành việc đánh giá trước lần thanh tra chứng nhận thứ ba. Đánh giá đất bao gồm: a. Các khu vực dễ bị xói mòn và khu vực dốc b. Kết cấu đất c. Độ sâu tầng canh tác và các tầng đất d. Độ nén, cấu trúc đất của các khu vực e. Độ ẩm đất và mức giữ nước f. Điều kiện thoát nước g. Các cấp độ dinh dưỡng đa lượng và chất hữu cơ. Điều này được đánh giá thông qua các phân tích mẫu đất và/hoặc quan sát các triệu chứng thiếu hụt chất dinh dưỡng bằng mắt thường (phân tích lá) đối với mẫu đại diện của các khu vực. h. Ít nhất một chỉ số về sức khỏe đất. Dựa trên các ý kiến đánh giá, người sản xuất xây dựng và thực hiện kế hoạch bón phân phù hợp với nhu cầu của cây trồng. Phân bón được sử dụng với lượng và thời điểm tối ưu nhằm tăng khả năng hấp thụ của cây trồng, đồng thời giảm thiểu việc lạm dụng hoá chất và hạn chế nguy cơ rửa trôi, thấm ngấm và bay hơi. <i>Xem Phụ lục A-07-SCRL-B-FA - Canh tác</i> <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-12 Hướng Dẫn J: Độ Phì và Bảo Tồn Đất</i>	✓	✓	✓	✓
4.4.8	Người sản xuất đảm bảo sử dụng các nguồn dinh dưỡng hữu cơ như một phần trong kế hoạch bón phân: • Chất hữu cơ được ủ hoai trước khi sử dụng làm phân bón. • Khuyến khích sử dụng phần dư thừa thực vật tại trang trại để phủ mặt đất, như cành cây cắt tỉa, lá rụng và các vật liệu thực vật khác. • Nếu có thể, ưu tiên các vật liệu đầu vào có nguồn gốc sinh học (chế phẩm sinh học). • Khuyến khích việc tăng cường sử dụng nguồn dinh dưỡng hữu cơ một cách từng bước, dựa trên điều kiện đất và nhu cầu dinh dưỡng của cây trồng. • Đối với tất cả các biện pháp trên, có thể bổ sung phân bón tổng hợp khi cần, theo nhu cầu dinh dưỡng của cây trồng. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-12 Hướng Dẫn J: Độ Phì và Bảo Tồn Đất</i>	✓	✓		✓

Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.4.9	Người sản xuất bảo vệ sức khoẻ đất trong khu vực sản xuất bằng cách không để đất trống hoặc trơ trọi, và duy trì độ phủ đất tối thiểu 40% như một phần trong kế hoạch Quản lý Cỏ dại Tổng hợp. Lớp phủ đất có thể bao gồm thảm thực vật sống hoặc đã phân huỷ như: • phủ mùn • cỏ mềm • cây phủ đất (ưu tiên các loài cây có hoa) Các khu vực trồng mới có thể để đất trống tại hàng cây trồng, nhưng cần phủ đất ở các khoảng giữa các hàng cây. <i>Xem Phụ lục A-07-SCRL-B-FA - Canh tác</i> <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-12 Hướng Dẫn J: Độ Phì và Bảo Tồn Đất</i> <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-9 Hướng Dẫn H: Quản Lý Dịch Hại Tổng Hợp</i>	✓	✓		✓
Số thứ tự	Yêu cầu cải tiến liên tục				
4.4.10	Đến lần thanh tra chứng nhận thứ 2, khu vực sản xuất phải đạt ít nhất 60% độ phủ đất.	✓	✓		✓
Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù				
4.4.11	Người sản xuất áp dụng các phương pháp bón phân nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng dinh dưỡng và góp phần giảm phát thải khí nhà kính. Nhà sản xuất thực hiện điều này bằng cách áp dụng ít nhất một trong các biện pháp sau: • Phủ lớp mùn lên trên phân bón hoặc trộn phân bón vào đất để ngăn ngừa phát thải và rửa trôi. • Bón phân với liều lượng nhỏ, tập trung. • Sử dụng phân bón đặc biệt có khả năng chuyển hoá nitơ chậm. • Sử dụng phân bón chậm tan, cung cấp dinh dưỡng theo thời gian. • Bổ sung các vi sinh vật có lợi, bao gồm nấm và vi khuẩn, giúp tăng cường dinh dưỡng đất một cách tự nhiên. • Trộn phân bón với nước khi trang trại sử dụng hệ thống tưới tiêu. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-12 Hướng Dẫn J: Độ Phì và Bảo Tồn Đất</i>	✓	✓		✓

4.5 Quản Lý Dịch Hại Tổng Hợp (IPM)

Số thứ tự	Các yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trạng thái đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.5.1	Ban quản lý lập và triển khai chiến lược <u>Quản lý Dịch hại Tổng hợp</u>, được xây dựng bởi <u>chuyên gia có năng lực</u>, bao gồm cả cho các cơ sở chế biến. Chiến lược bao gồm các biện pháp về phòng ngừa, giám sát, <u>ngưỡng</u> và can thiệp. Chiến lược được dựa theo điều kiện khí hậu, kết quả theo dõi giám sát sâu bệnh, các hoạt động đã triển khai, và hồ sơ sử dụng <u>thuốc bảo vệ thực vật</u>. Chiến lược Quản lý Dịch hại Tổng hợp được cập nhật hàng năm. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-9 Hướng Dẫn H: Quản Lý Dịch Hại Tổng Hợp</i>		✓	✓	✓
4.5.3	Trong khuôn khổ Quản lý Cỏ dại Tổng hợp (IWM), người sản xuất xây dựng và thực hiện các biện pháp ưu tiên các loại cỏ dại không xâm lấn và không phát triển mạnh, góp phần giảm sử dụng thuốc diệt cỏ và tăng đa dạng sinh học trên trang trại. <i>Xem Phụ lục A-07-SCRL-B-FA - Canh tác</i> <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-9 Hướng Dẫn H: Quản lý Dịch hại Tổng hợp (IPM)</i>	✓	✓		✓
4.5.4	Người sản xuất cân nhắc việc đảm bảo giảm lượng thuốc diệt cỏ sử dụng như một phần của phương pháp Quản lý Cỏ dại Tổng hợp. Các biện pháp giảm thiểu này phải được đưa vào kế hoạch Quản lý Cỏ dại Tổng hợp và thực hiện đúng theo kế hoạch. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-9 Hướng Dẫn H: Quản lý Dịch hại Tổng hợp (IPM)</i>	✓	✓		✓

4.6 Quản Lý Hóa Chất Nông Nghiệp

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trạng thái đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.6.1	Không sử dụng <u>hóa chất nông nghiệp</u>: - Nằm trong Danh Mục <u>Thuốc Trừ Sâu Bị Cấm</u> hoặc Danh Mục <u>Thuốc Trừ Sâu Đã Lỗi Thời</u> của Rainforest Alliance - Bị cấm bởi luật hiện hành - Không được đăng ký hợp pháp tại quốc gia mà <u>trang trại</u> đang hoạt động Các nhà sản xuất chỉ sử dụng các hóa chất nông nghiệp được bán bởi các nhà cung cấp được ủy quyền, trong bao bì nguyên gốc và được niêm phong. Các chất hóa học sử dụng cho gia súc hoặc vật nuôi không nằm trong phạm vi của tiêu chuẩn này Áp dụng cho ban quản lý nhóm trong trường hợp ban quản lý nhóm có nhiệm vụ mua sắm. <i>Xem Phụ lục A-07-SCRL-B-FA - Canh tác</i>	✓	✓	✓	✓
4.6.2	Nhà sản xuất sử dụng thuốc trừ sâu trong danh sách Giảm thiểu Rủi ro phải thực hiện tất cả các biện pháp liên quan được mô tả trong Phụ lục Chương 4: Nhà sản xuất sử dụng thuốc trừ sâu theo Chính sách Sử dụng Đặc biệt phải làm theo tất cả các biện pháp thực hành tương ứng được nêu chi tiết trong chính sách này và tuân thủ quy trình yêu cầu và báo cáo về trường hợp ngoại lệ như được nêu trong phụ lục. <i>Xem Phụ lục A-07-SCRL-B-FA - Canh tác</i> <i>Xem A-12-SCRL-B-FA Chính sách Sử dụng Đặc biệt: Các trường hợp ngoại lệ được chấp thuận và Điều kiện để Sử dụng Thuốc trừ sâu Bị cấm của Rainforest Alliance</i>	✓	✓		✓
4.6.3	Người sử dụng thuốc trừ sâu được đào tạo hàng năm về cách chuẩn bị và phun thuốc. Họ sử dụng <u>Đồ Bảo Hộ Cá Nhân (PPE)</u> theo chỉ định trên nhãn sản phẩm hoặc <u>Bảng Chỉ Dẫn Sử Dụng Hóa Chất/Vật liệu An toàn (MSDS)</u>, hoặc <u>quần áo bảo hộ cơ bản</u> dựa trên độ <u>rủi ro</u> nếu không có thông tin chỉ dẫn. PPE phải ở tình trạng tốt, được giặt sạch và bảo quản an toàn sau khi sử dụng, và không được mang vào nơi ở của người lao động. Đồ dùng 1 lần cần được thải bỏ sau 01 lần sử dụng. PPE được cung cấp miễn phí, và ban quản lý trang trại/nhóm ghi chép, giám sát và đảm bảo thực thi việc sử dụng PPE.	✓	✓	✓	✓

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.6.4	Người pha và phun thuốc bảo vệ thực vật phải tắm rửa, thay đồ và giặt quần áo sau khi phun thuốc. Ban quản lý nên cung cấp cho họ một khu vực riêng tư, nước, xà phòng và, nếu có thể, chỗ để tắm.	✓	✓	✓	✓
4.6.5	Thuốc trừ sâu được pha chế và sử dụng theo hướng dẫn trên nhãn sản phẩm, MSDS hoặc thẻ an toàn, hoặc theo khuyến nghị của một tổ chức quốc gia chính thức hoặc <u>kỹ thuật viên có năng lực</u> , đặc biệt là liên quan đến: - Vận chuyển an toàn đến khu vực sử dụng - Sử dụng liều lượng chính xác - Sử dụng thiết bị và kỹ thuật thích hợp - Điều kiện thời tiết thích hợp - Lưu ý đến <u>thời gian tái tiếp cận (restricted entry intervals, REI)</u>, bao gồm các biển cảnh báo bằng ngôn ngữ địa phương và thông báo trước cho những cá nhân hoặc cộng đồng có khả năng bị ảnh hưởng Khi không có thông tin khác, thời gian tái tiếp cận (REI) tối thiểu là 48 giờ đối với các sản phẩm loại II của WHO và 12 giờ đối với các sản phẩm khác. Khi hai hoặc nhiều sản phẩm có thời gian cách ly (REI) khác nhau được sử dụng cùng một lúc, áp dụng khoảng thời gian dài nhất Các phương pháp tính toán khối lượng và liều lượng được xem xét và tinh chỉnh để giảm sự pha trộn dư thừa và lạm dụng thuốc trừ sâu. Tuân thủ <u>thời gian cách ly (PHI)</u> của thuốc trừ sâu theo quy định đã ghi trên bao bì, nhãn hoặc thẻ bảo mật của sản phẩm hoặc quy định của tổ chức chính thức. Khi hai hoặc nhiều sản phẩm có thời gian cách ly (PHI) khác nhau được sử dụng cùng một lúc, áp dụng khoảng thời gian dài nhất.	✓	✓	✓	✓
4.6.6	Các cơ chế đã được thiết lập để ngăn ngừa sự ô nhiễm từ <u>thuốc trừ sâu</u> , bằng cách <u>phun sương</u> hoặc các phương thức khác, từ các khu vực đã xử lý đến các khu vực khác, bao gồm tất cả các hệ sinh thái thủy sinh và trên cạn cũng như cơ sở hạ tầng. Những cơ chế bao gồm <u>hàng rào thực vật</u> không phải cây trồng, <u>khu vực cấm sử dụng hóa chất nông nghiệp</u> , hoặc các biện pháp hiệu quả khác.	✓	✓	✓	✓
4.6.7	Chỉ được phép phun từ trên không theo các điều kiện như được nêu trong Phụ lục Chương 4: <i>Xem Phụ lục A-07-SCRL-B-FA - Canh tác</i>	✓	✓	✓	✓

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.6.8	Ghi chép lại các đợt sử dụng thuốc trừ sâu. Các hồ sơ ghi chép bao gồm: • Tên thương mại sản phẩm và <u>(các) hoạt chất</u> • Ngày và giờ sử dụng • Vị trí và khu vực (quy mô) sử dụng • Liều lượng và thể tích (hữu cơ hoặc vô cơ) • Cây trồng • Tên của (những) người phun • Trị loại sâu gì Ban quản lý nhóm giúp thành viên nhóm ghi chép và lưu trữ hồ sơ khi cần.	✓	✓	✓	✓
4.6.9	Các bao bì thuốc trừ sâu rỗng và thiết bị phun được rửa ba lần, bằng nước rửa được sử dụng trong mẻ pha cuối cùng để phun lên cây trồng. Sau khi phun thuốc bảo vệ thực vật, thiết bị phun được rửa sạch ba lần và phần thuốc còn dư được pha loãng với lượng nước sạch gấp mười lần, sau đó phun đều lên diện tích đã xử lý nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường và sức khỏe. Bao bì thuốc trừ sâu rỗng được lưu trữ một cách an toàn cho đến khi chúng có thể được xử lý an toàn thông qua một chương trình thu gom hoặc tái chế chính thức hoặc trả lại cho nhà cung cấp. Nếu nhà cung cấp không nhận lại các bao bì chai lọ rỗng, cắt hoặc đục lỗ để tránh sử dụng vào các mục đích khác. Các loại thuốc bảo vệ thực vật bị cấm, hết hạn hoặc lỗi thời được trả lại cho nhà cung cấp hoặc cơ quan địa phương. Trong trường hợp không có hệ thống thu gom, dán nhãn và lưu trữ các chai lọ rỗng này một cách an toàn và tách biệt khỏi các sản phẩm khác trong một khu vực được khóa.	✓	✓	✓	✓
4.6.10	Hóa chất nông nghiệp và thiết bị phun được lưu trữ theo hướng dẫn trên nhãn mác bao bì để giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe con người. Hóa chất nông nghiệp phải được chứa trong thùng/chai lọ hoặc bao bì đựng ban đầu. Cơ sở vật chất dùng để lưu trữ hóa chất nông nghiệp và thiết bị phun cần phải: • Khô ráo, sạch sẽ, và thông thoáng • Được làm từ vật liệu không thấm nước • Được khóa an toàn và chỉ những người xử lý đã qua đào tạo mới có thể ra vào được • Không ở trong phạm vi tiếp cận của trẻ em • Tách biệt với cây trồng, thực phẩm, và vật liệu đóng gói	✓			

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trạng trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.6.11	Bảo quản hóa chất nông nghiệp và các thiết bị phun phù hợp với hướng dẫn trên nhãn mác bao bì và theo cách thức giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe con người. Bảo quản hóa chất nông nghiệp trong bao bì nguyên gốc hoặc thùng chứa ban đầu. Các phương tiện bảo quản hóa chất nông nghiệp và thiết bị sử dụng được: • Khô ráo, sạch sẽ, thông thoáng và có mái che chắc chắn và sàn không thấm nước • Khóa an toàn và chỉ những người xử lý được đào tạo có thể sử dụng • Tách biệt với cây trồng, sản phẩm thực phẩm hoặc vật liệu đóng gói • Có dụng cụ chống tràn, đổ rơi vãi trong trường hợp khẩn cấp • Có các biển báo và biểu đồ cảnh báo an toàn trực quan và dễ hiểu • Có quy trình khẩn cấp, khu vực rửa mắt và tắm vòi sen dùng khi khẩn cấp Đối với các trang trại quy mô nhỏ trong nhóm, chỉ áp dụng yêu cầu 4.6.10.		✓	✓	✓
Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù				
4.6.14	Ban quản lý xây dựng và thực hiện chính sách nhằm đảm bảo việc giảm số lượng và độ độc hại của thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng. Trước lần thanh tra chứng nhận đầu tiên, dữ liệu cơ sở được thu thập, bao gồm ít nhất 12 tháng trước đó. Tiến độ được đánh giá trong các lần thanh tra tiếp theo. Một hệ thống giám sát được tích hợp trong chính sách này. Hồ sơ giám sát ít nhất phải bao gồm những thông tin sau: • Hoạt chất. • Liều lượng sử dụng (số lượng và số lần sử dụng). • Ngày và mô tả về bất kỳ hiện tượng thời tiết cực đoan nào. • Sự bùng phát sâu bệnh. • Giảm rõ rệt về lượng và độ độc hại của thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng.	✓	✓	✓	✓
Số thứ tự	Yêu cầu cải tiến liên tục				
4.6.15	Đối với các trang trại nhỏ trong nhóm, ban quản lý đảm bảo việc giám sát sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong nhóm thành viên được tăng cường theo lộ trình. Đến kỳ thanh tra chứng nhận lần thứ hai, ít nhất 30% thành viên nhóm có hồ sơ giám sát được ghi chép đầy đủ, và tỷ lệ này tăng lên tối thiểu 60% vào kỳ thanh tra chứng nhận lần thứ ba.			✓	

Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.6.16	Người sản xuất xây dựng và thực hiện kế hoạch nhằm từng bước giảm việc sử dụng các hoạt chất nằm trong danh mục ngoại lệ. Kế hoạch này dựa trên phương pháp cải tiến liên tục, với mục tiêu cuối cùng là loại bỏ hoàn toàn các hoạt chất này trước ngày 31 tháng 12 năm 2028. Kế hoạch này ưu tiên các giải pháp nông sinh thái và tăng cường khả năng chống chịu ở cấp hệ thống theo thời gian. <i>Vui lòng xem A-07-SCRL-B-FA –Phụ lục Canh tác</i> <i>Xem A-12-SCRL-B-FA Chính sách Sử dụng Đặc biệt: Các trường hợp ngoại lệ được chấp thuận và Điều kiện để Sử dụng Thuốc trừ sâu Bị cấm của Rainforest Alliance.</i>	✓	✓	✓	✓

4.7 Các Thực Hành Khi Thu Hoạch Và Sau Thu Hoạch

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.7.1	Sản phẩm được xử lý để duy trì chất lượng và số lượng trong suốt quá trình thu hoạch và <u>sau thu hoạch</u>, ví dụ như khi bốc xếp, chế biến, đóng gói, vận chuyển, và bảo quản. Công việc này bao gồm: • Thu hoạch sản phẩm vào thời điểm thích hợp để tối ưu hóa chất lượng • Giảm thiểu tối đa tổn hại cho cây trồng cho sản xuất trong tương lai • Ngăn ngừa ô nhiễm từ các chất lạ, sản phẩm tẩy rửa, hoá chất nông nghiệp, vi sinh vật, và sâu bệnh • Tránh hư hại do ẩm gây ra • Bảo quản sản phẩm ở nơi khô ráo, mát mẻ, tối và thông thoáng • Bảo dưỡng và làm sạch các công cụ, máy móc và thiết bị được sử dụng trong quá trình thu hoạch và sau thu hoạch • Sử dụng vật liệu đóng gói phù hợp và được phê duyệt cho sản phẩm thực phẩm	✓	✓	✓	✓

CHƯƠNG 5:

Xã Hội



Chương về Xã hội nhằm mục đích trao quyền cho người sản xuất và người lao động để cải thiện điều kiện làm việc và sinh hoạt của họ. Chương này thúc đẩy sự bình đẳng và tôn trọng đối với tất cả mọi người, đặc biệt quan tâm đến các nhóm dễ bị tổn thương như người di cư, trẻ em, thanh niên và phụ nữ, đồng thời tăng cường bảo vệ quyền con người và quyền lao động tại các trang trại được chứng nhận.

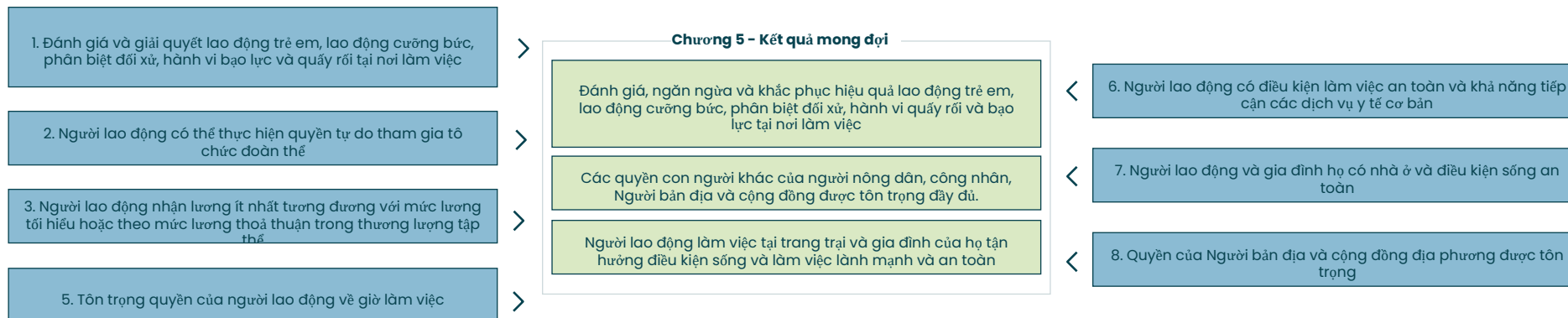
Nông nghiệp tái sinh không chỉ là việc phục hồi đất và môi trường, mà còn là đảm bảo rằng người nông dân, người lao động và cộng đồng của họ có thể đạt được cuộc sống bền vững, có phẩm giá và được bảo vệ khỏi tác hại của việc tiếp xúc với hoá chất nông nghiệp độc hại. Nông nghiệp tái sinh, sinh kế bền vững và tôn trọng quyền con người là những yếu tố tương hỗ, trong đó mỗi yếu tố đều thúc đẩy và duy trì cho yếu tố kia.

Trong các trang trại Được Rainforest Alliance Chứng Nhận không để xảy ra việc vi phạm quyền con người như lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử hoặc quấy rối và bạo lực nơi làm việc. Đối với bốn loại vi phạm này, hệ thống chứng nhận của chúng tôi áp dụng mô hình "Đánh giá và xử lý", mô hình này vượt ra ngoài cách tiếp cận nghiêm cấm đơn giản để thúc đẩy sự thay đổi.

Các rủi ro vi phạm quyền con người được xử lý thông qua hệ thống Đánh giá và Xử lý bằng cách đánh giá rủi ro, áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro, theo dõi và khắc phục các vụ việc đã được xác nhận. Các vụ việc nghiêm trọng chưa được giải quyết hoặc vi phạm pháp luật sẽ dẫn đến việc tạm đình chỉ hoặc huỷ chứng nhận (xem yêu cầu 5.1).

Ngoài ra, tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu liên quan đến quyền lao động cơ bản, sức khỏe và an toàn, cũng như điều kiện sống và làm việc đáng hoàng. Hơn nữa, các trang trại và nhóm phải tôn trọng quyền hợp pháp và tập quán của các cộng đồng và người dân bản địa.

Các yêu cầu này phù hợp với Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về Kinh doanh và Nhân quyền (UNGPs) và các công ước liên quan của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO).



Đánh Giá và Xử Lý, Lao Động Trẻ Em, Lao Động Cường Bức, Phân Biệt Đối Xử, Hành Vi Bạo Lực và Quấy Rối Tại Nơi Làm Việc

Lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử và bạo lực cũng như quấy rối tại nơi làm việc đều bị nghiêm cấm trên các trang trại được Chứng nhận Rainforest Alliance. Đơn vị sở hữu chứng nhận phải có biện pháp giám sát và giảm thiểu những rủi ro này thông qua hệ thống đánh giá và xử lý. Căn giải quyết tất cả các trường hợp đã được phát hiện. Việc không khắc phục các trường hợp nghiêm trọng hoặc các vi phạm pháp luật sẽ dẫn đến quyết định không được chứng nhận, đình chỉ hoặc hủy bỏ chứng nhận.

Bốn yêu cầu Cơ bản giải quyết các vấn đề về lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử và bạo lực cũng như quấy rối tại nơi làm việc. Bốn yêu cầu bổ sung về Cải tiến Liên tục áp dụng với tình trạng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức khi những vấn đề này có nguy cơ ở mức trung bình/cao theo như bản đồ rủi ro của Rainforest Alliance. Nếu không có sẵn thông tin về cấp độ rủi ro, đánh giá rủi ro của Đơn vị sở hữu chứng nhận sẽ được sử dụng. Yêu cầu Cải tiến Liên tục về phân biệt đối xử và hành vi bạo lực và quấy rối tại nơi làm việc chỉ được áp dụng với các trang trại quy mô lớn và trang trại chứng nhận đơn lẻ.

Lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử và bạo lực/quấy rối được định nghĩa trong Phụ Lục S1: Bảng thuật ngữ. Những định nghĩa này dựa trên các tiêu chuẩn liên quan của ILO, bao gồm:

Công Ước về Độ Tuổi Tối Thiểu của ILO, 1973 (Số 138)

Công Ước về Các Hình Thức Lao Động Trẻ Em Tội Tệ Nhất, 1999 (Số 182)

Công Ước về Lao Động Cường Bức, 1930 (Số 29)

Công Ước về Bãi Bỏ Lao Động Cường Bức, 1957 (Số 105)

Công Ước về Thù Lao Bình Đẳng, 1951 (Số 100)

Công Ước về Phân Biệt Đối Xử (Việc Làm và Nghề Nghiệp), 1958 (Số 111)

Công Ước về Quấy Rối và Bạo Hành, 2019 (Số 190)

Công Ước về Xóa Bỏ Tất Cả Các Hình Thức Phân Biệt Đối Xử đối với Phụ Nữ (CEDAW)

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.1.1	Cam kết: Ban quản lý cam kết đánh giá và xử lý các vấn đề về lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử và bạo lực cũng như quấy rối tại nơi làm việc bằng cách: • Phối hợp với các ủy ban/cá nhân chịu trách nhiệm quản lý khiếu nại và các vấn đề về giới (xem yêu cầu 1.1.1). • Nâng cao nhận thức về bốn vấn đề này với đội ngũ quản lý và nhân viên (nhóm) ít nhất mỗi năm một lần. • Thông báo bằng văn bản cho người lao động/thành viên nhóm biết rằng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử, quấy rối và bạo hành nơi làm việc sẽ không được dung thứ, và ban quản lý thiết lập hệ thống đánh giá và xử lý các vụ việc liên quan. Thông tin này luôn luôn được trưng bày rõ ràng tại các vị trí trung tâm. Lưu ý: Trong các nhóm trang trại quy mô nhỏ, có thể chỉ định một người chịu trách nhiệm thay vì một ủy ban. <i>Vui lòng xem Tài Liệu Hướng Dẫn SA-G-SD-1 L: Đánh Giá và Xử Lý</i>		✓	✓	✓
5.1.2	Giảm thiểu rủi ro: Đại diện lãnh đạo/ủy ban đưa các biện pháp giảm thiểu vào kế hoạch quản lý. Đơn vị sở hữu chứng nhận có thể sử dụng các biện pháp giảm thiểu được xác định trong bản đánh giá rủi ro và triển khai các biện pháp tương ứng. <i>Vui lòng xem A-11-SCRL-B-FA Công cụ Đánh giá rủi ro</i>		✓	✓	✓

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.1.3	Giám sát: Người đại diện lãnh đạo/ủy ban Theo dõi rủi ro và việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro: • Báo cáo các vụ việc tiềm ẩn về lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử và bạo lực cũng như quấy rối tại nơi làm việc cho ban quản lý và ủy ban khiếu nại Theo dõi các hoạt động khắc phục hậu quả (xem 5.1.4) Cường độ làm việc của hệ thống giám sát được điều chỉnh theo mức độ rủi ro và vấn đề nổi cộm. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-20 Hướng Dẫn R: Công Cụ Theo Dõi Đánh Giá và Xử Lý</i>		✓	✓	✓
5.1.4	Khắc Phục Hậu Quả: Người đại diện/ủy ban quản lý đề ra trong kế hoạch quản lý cách khắc phục các trường hợp lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử, quấy rối và bạo lực tại nơi làm việc. Khắc phục các trường hợp đã xác nhận và ghi lại theo Quy Trình Khắc Phục Hậu Quả của Rainforest Alliance. Bảo vệ sự an toàn và tính bảo mật của nạn nhân trong suốt quy trình. <i>Xem Phụ lục A-08-SCRL-B-CH - Xã hội</i>		✓	✓	✓

5.2 Tự Do Tham Gia Tổ Chức Đoàn Thể Và Thương Lượng Tập Thể

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.2.1	Người lao động có thể thành lập và tham gia công đoàn hoặc <u>tổ chức của người lao động</u> theo ý mình và tham gia đàm phán tập thể mà không cần sự phê duyệt của người sử dụng lao động, theo như <u>luật pháp hiện hành</u>. Đại diện người lao động được bầu chọn một cách dân chủ trong các cuộc bầu chọn tự do, công bằng, định kỳ. Ban quản lý có chính sách bằng văn bản về quyền của người lao động và đảm bảo rằng người lao động hiểu rõ về chính sách này, trưng bày chính sách một cách rõ ràng ở nơi làm việc vào mọi thời điểm. Nếu luật pháp hạn chế <u>tự do tham gia tổ chức đoàn thể</u> và thương lượng tập thể, ban quản lý sẽ hỗ trợ các phương thức thay thế để thành lập và tham gia tổ chức đoàn thể tự do và độc lập, thương lượng, và đối thoại với người lao động. Công ước về Tự do Liên kết và Bảo vệ Quyền Tổ chức của ILO, 1948 (Số 87) Khuyến Nghị của ILO về Đại Diện Người Lao Động, 1971 (Số 143) <i>Đối với các trang trại nhỏ, chỉ áp dụng yêu cầu nếu họ đang tuyển dụng:</i> - 10 lao động thời vụ trở lên, mỗi người làm việc liên tiếp trong ba tháng hoặc hơn và/hoặc - 50 lao động tạm thời trở lên theo năm dương lịch	✓	✓	✓	✓
5.2.2	Người lao động được bảo vệ khỏi sự <u>phân biệt đối xử</u> hoặc <u>trả đũa</u> vì việc tham gia các hoạt động công đoàn. Ban quản lý không được phép trừng phạt, hối lộ, hoặc gây ảnh hưởng đến các thành viên hoặc đại diện của công đoàn. Các hồ sơ chấm dứt phải bao gồm lý do và các quan hệ công đoàn. Ban quản lý không được can thiệp vào các tổ chức của người lao động, các cuộc bầu chọn hoặc nhiệm vụ của họ. Công ước về Quyền Tổ chức và Thương lượng Tập thể của ILO, 1949 (Số 98) Khuyến Nghị ILO về Đại Diện Người Lao Động, 1971 (Số 143) <i>Đối với các trang trại nhỏ, chỉ áp dụng yêu cầu nếu họ đang tuyển dụng:</i> - 10 lao động thời vụ trở lên, mỗi người làm việc liên tiếp trong ba tháng hoặc hơn và/hoặc - 50 lao động tạm thời trở lên theo năm dương lịch	✓	✓	✓	✓

5.3 Tiền lương

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.3.3	Ban quản lý và đơn vị sản xuất tuân thủ các thỏa thuận thương lượng tập thể (CBA) phù hợp với Tiêu chuẩn Rainforest Alliance. <u>Người lao động</u> được trả ít nhất <u>mức lương tối thiểu</u> hiện hành hoặc mức lương quy định trong thỏa thuận thương lượng tập thể, tùy theo mức nào cao hơn. Đối với sản xuất khoán hoặc <u>tính lương theo sản phẩm</u> , khoản thanh toán ít nhất phải bằng mức lương tối thiểu dựa theo tuần làm việc 48 giờ hoặc giới hạn số giờ làm việc hợp pháp của quốc gia, tùy theo số giờ nào thấp hơn.	✓	✓	✓	✓
5.3.4	Chỉ được khấu trừ <u>tiền lương</u> để đóng bảo hiểm xã hội nếu <u>luật hiện hành</u> hoặc thỏa thuận thương lượng tập thể quy định. Các khoản khấu trừ tự nguyện, như khoản tạm ứng lương hoặc khoản vay, cần có sự đồng ý của <u>người lao động</u> . Người sử dụng lao động phải xử lý những khoản chuyển tiền này đầy đủ và đúng thời gian. Cấm kỳ luật bằng việc khấu trừ lương. Không được khấu trừ cho công cụ hoặc thiết bị, trừ khi được pháp luật cho phép. Phúc lợi bằng hiện vật phải tuân thủ pháp luật và không được vượt quá 30% tổng tiền lương. Khuyến Nghị của ILO về Bảo Vệ Tiền Lương, 1949 (Số 85)	✓	✓	✓	✓
5.3.5	Người lao động nhận thanh toán theo các khoảng thời gian đều đặn như trong thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động, với tần suất tối thiểu là mỗi tháng một lần. Các hồ sơ chi tiết được lưu giữ cho từng người lao động, bao gồm số giờ làm việc đã làm (cả giờ làm việc chính thức và giờ làm thêm), sản lượng (nếu áp dụng), tính toán lương, các khoản khấu trừ, và các khoản thanh toán đã thực hiện. Người lao động được cung cấp chứng từ thanh toán (dạng giấy hoặc điện tử) có bao gồm thông tin này. Công Ước ILO về Bảo Vệ Tiền Lương, 1949 (Số 95). <i>Đối với các trang trại nhỏ, chỉ áp dụng yêu cầu nếu họ đang tuyển dụng:</i> - 10 lao động thời vụ trở lên, mỗi người làm việc liên tiếp trong ba tháng hoặc hơn và/hoặc - 50 lao động tạm thời trở lên theo năm dương lịch	✓	✓	✓	✓
5.3.6	Công việc có giá trị tương đương nhận được tiền lương tương đương, không phân biệt đối xử trên các cơ sở như giới tính, loại lao động, dân tộc, tuổi tác, màu da, tôn giáo, quan điểm chính trị, quốc tịch, nguồn gốc xã hội, hoặc các yếu tố khác. Công Ước ILO về Thù Lao Bình Đẳng, 1951 (Số 100)	✓	✓	✓	✓

5.5 Điều Kiện Làm Việc

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.5.1	<u>Người lao động</u> không làm quá tám giờ làm việc thông thường mỗi ngày hoặc 48 giờ mỗi tuần. Họ được nghỉ 30 phút sau sáu giờ làm việc liên tiếp và nghỉ một ngày trọn vẹn sau sáu ngày làm việc liên tiếp. Nhân viên bảo vệ không được làm quá 60 giờ mỗi tuần hoặc theo quy định luật pháp hiện hành, tùy theo quy định nào nghiêm ngặt hơn. Công Ước ILO, Công Ước về Giờ Làm Việc (Công Nghiệp), 1919 (Số 1). Công Ước ILO, Công Ước về Giờ Làm Việc (Thương Mại và Văn Phòng), 1930 (Số 30).	✓	✓	✓	✓
5.5.2	<u>Làm việc ngoài giờ</u> là tự nguyện và được phép nếu: a) Được yêu cầu kịp thời. b) Được trả lương theo luật quốc gia hoặc theo Thỏa thuận Thương lượng Tập thể, tùy theo mức nào cao hơn; nếu không có quy định/thỏa thuận nào thì được trả ít nhất 1,5 lần mức lương thông thường. c) Không làm tăng rủi ro về sức khỏe và an toàn; tỷ lệ tai nạn xảy ra trong ca làm thêm được theo dõi và giảm bớt nếu cần thiết. d) Người lao động có phương tiện di chuyển an toàn về nhà.* e) Tổng số giờ làm việc trong tuần không vượt quá 60 giờ, trừ những trường hợp đặc biệt.* f) Người lao động được nghỉ 30 phút sau 6 giờ làm việc và ít nhất 10 giờ nghỉ liên tiếp trong mỗi khoảng thời gian 24 giờ. g) Lưu trữ hồ sơ về giờ làm việc thông thường và giờ làm thêm.* h) Dành cho các hoạt động cụ thể như thu hoạch cần phải hoàn thành trong khoảng thời gian ngắn, tối đa 6 tuần, thời gian làm thêm có thể lên tới 24 giờ mỗi tuần cho tối đa 12 tuần mỗi năm, và người lao động có thể làm việc tối đa 21 ngày liên tục. *Điều kiện chỉ áp dụng cho các trường hợp cụ thể. Công Ước số 1 của ILO về Giờ Làm Việc (Lĩnh Vực Công Nghiệp), 1919 Công Ước số 30 của ILO về Giờ làm Việc (Lĩnh Vực Thương mại và Văn Phòng), 1930 Bộ Quy Tắc Thực Hành của ILO về An Toàn và sức khỏe trong Nông Nghiệp, 2010 Hội Nghị lao Động Quốc Tế, Kỳ Họp lần thứ 107, Nghiên Cứu Chung về các công cụ về thời gian làm việc, 2018 <i>Đối với các trang trại nhỏ, chỉ áp dụng yêu cầu nếu đang thuê:</i> <i>- 10 lao động thời vụ trở lên, mỗi người làm việc liên tiếp trong 3 tháng hoặc hơn và/hoặc</i> <i>- 50 lao động tạm thời trở lên theo năm dương lịch</i>	✓	✓	✓	✓

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.5.3	Người lao động dài hạn được hưởng chế độ nghỉ thai sản có lương, các quyền và lợi ích theo luật hiện hành. Trong trường hợp không có luật này, người lao động được nghỉ thai sản được trả lương ít nhất 12 tuần, trong đó ít nhất là 6 (sáu) tuần được nghỉ sau sinh. Họ có thể trở lại làm việc sau khi nghỉ sinh với các điều khoản và điều kiện tương tự và không phải chịu phân biệt đối xử, giảm thâm niên hoặc trừ lương. Người lao động đang mang thai, cho con bú hoặc mới sinh con được bố trí lịch làm việc và địa điểm làm việc linh hoạt. Phụ nữ cho con bú có thêm hai lần nghỉ giải lao 30 phút mỗi ngày và không gian thích hợp để vắt sữa và/ hoặc cho con bú. Công Ước số 183 của ILO về Bảo Vệ Thai Sản, 1952 <i>Đối với các trang trại nhỏ, chỉ áp dụng yêu cầu nếu họ đang tuyển dụng:</i> - 10 lao động thời vụ trở lên, mỗi người làm việc liên tiếp trong ba tháng hoặc hơn và/hoặc - 50 lao động tạm thời trở lên theo năm dương lịch	✓	✓	✓	✓

5.6 Sức Khỏe Và An Toàn

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.6.1	Ban quản lý, với sự hỗ trợ của nhân viên hoặc các chuyên gia bên ngoài có chuyên môn kỹ thuật cần thiết, tiến hành phân tích các rủi ro về sức khỏe và an toàn lao động trong phạm vi chứng nhận. Kế hoạch quản lý quy định về các biện pháp liên quan và đảm bảo việc triển khai thực hiện bằng cách cân nhắc ít nhất đến các yếu tố sau: • Phân tích rủi ro • Tuân thủ các quy định • Đào tạo người lao động • Quy trình và thiết bị đảm bảo sức khỏe và an toàn lao động • Sử dụng máy móc an toàn Tần suất xảy ra và loại sự cố về sức khỏe và an toàn lao động, bao gồm những sự cố liên quan đến việc sử dụng <u>hóa chất nông nghiệp</u>, được ghi nhận và xác định cho cả nam và nữ. Các biện pháp được thực hiện để ngăn ngừa sự tái diễn của các sự cố cũng được ghi chép lại. Công Ước số 155 của ILO về An Toàn và Sức Khỏe Nghề Nghiệp, 1981 Công Ước số 184 của ILO về An Toàn và Sức Khỏe trong Nông Nghiệp, 2001 <i>Xem Phụ lục A-07-SCRL-B-FA - Canh tác</i>		✓	✓	✓
5.6.3	Thành viên trong nhóm và người lao động biết về các quy trình khẩn cấp. Các biển cảnh báo và hướng dẫn an toàn được trưng bày rõ ràng. Người lao động có thể rời khỏi các tình huống <u>nguy hiểm sắp xảy ra</u> mà không cần sự cho phép hoặc sẽ không bị xử phạt.	✓			

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.6.4	Người lao động có quyền tiếp cận <u>nước uống</u> an toàn và đầy đủ mọi lúc thông qua một trong các phương tiện sau: - Hệ thống nước uống công cộng, hoặc - Nước uống do ban quản lý cung cấp được kiểm tra ít nhất ba năm một lần hoặc thường xuyên hơn, nếu phát hiện rủi ro khi thực hiện phân tích rủi ro theo yêu cầu 5.6.1 Ban quản lý duy trì nguồn nước uống, hệ thống phân phối và thùng chứa để ngăn ngừa ô nhiễm. Bảo vệ nước uống đựng trong bình hoặc thùng chứa tránh khỏi bị ô nhiễm bằng cách sử dụng nắp đậy và thay nước uống mới ít nhất 24 giờ một lần. <i>Đối với các trang trại nhỏ, chỉ áp dụng yêu cầu nếu họ đang tuyển dụng:</i> 10 lao động thời vụ trở lên, mỗi người làm việc liên tiếp trong ba tháng hoặc hơn và/hoặc 50 lao động tạm thời trở lên theo năm dương lịch	✓	✓	✓	✓
5.6.5	Đối với các trang trại quy mô nhỏ không có nước uống an toàn, ban quản lý đào tạo và hướng dẫn các thành viên trong nhóm về cách xử lý nước bằng cách đun sôi, lọc hoặc khử clo và ngăn ngừa ô nhiễm.			✓	
5.6.6	Người lao động luôn được tiếp cận với nước uống an toàn và đầy đủ.	✓			
5.6.7	Các nhà vệ sinh và trạm rửa tay đầy đủ, sạch sẽ và hoạt động tốt có sẵn tại hoặc gần các cơ sở sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo trì, khu văn phòng và khu nhà ở của người lao động. Các cơ sở được phân chia theo giới tính khi có từ 10 người lao động trở lên, có bồn tiểu được tách riêng khỏi nhà vệ sinh dành cho nữ. Sự an toàn và quyền riêng tư cho các nhóm dễ bị tổn thương được đảm bảo thông qua các tính năng như cơ sở vật chất được chiếu sáng đầy đủ và có thể khóa được. Người lao động có thể tiếp cận các cơ sở vật chất này bất cứ khi nào cần thiết.		✓	✓	✓
5.6.8	Người lao động trong điều kiện nguy hiểm (VD: địa hình khó khăn, làm việc với máy móc hoặc <u>vật liệu độc hại</u>) sử dụng Đồ Bảo hộ Lao động Cá nhân (PPE) được cung cấp miễn phí và được đào tạo về cách sử dụng đồ bảo hộ này.	✓	✓	✓	✓
5.6.9	Cắt giữ an toàn máy móc và thiết bị khác khi không sử dụng. Tất cả các công cụ do người lao động sử dụng đều phải hoạt động tốt. Máy móc có hướng dẫn rõ ràng, dễ hiểu về cách sử dụng an toàn, và các bộ phận nguy hiểm được bảo vệ hoặc che chắn. Người lao động sử dụng những máy móc này được đào tạo đầy đủ và có giấy phép cần thiết theo yêu cầu của pháp luật.	✓	✓	✓	✓
5.6.10	Không chỉ định lao động nữ đang mang thai, đang cho con bú hoặc mới sinh con tham gia các hoạt động gây rủi ro cho sức khỏe của phụ nữ, thai nhi hoặc trẻ sơ sinh. Trong trường hợp phân công lại công việc thì sẽ không bị giảm thù lao. Không yêu cầu thử thai.	✓	✓	✓	✓

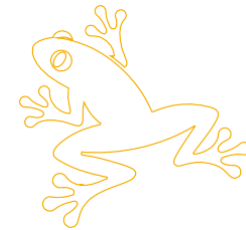
5.7 Nhà Ở Và Điều Kiện Sống

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trạng trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.7.1	Người lao động và gia đình của họ được bố trí chỗ ở hoặc lưu trú tại cơ sở ở khu vực sinh sống an toàn, sạch sẽ và đầy đủ, phù hợp với điều kiện địa phương. Điều này bao gồm: Vị trí và công trình: - Xây dựng an toàn tại vị trí không nguy hiểm, có khả năng bảo vệ trước các điều kiện thời tiết cực đoan, với nền khô ráo, tường cố định và trong tình trạng tốt. Sàn khô ráo nên được nâng cao hơn mặt đất và làm bằng xi măng, đá, gạch, gỗ hoặc đất sét được bịt kín và làm phẳng. - Bảo vệ chống ô nhiễm không khí và dòng chảy bề mặt của <u>nước thải</u>. - Thông báo cho người lao động/gia đình họ về kế hoạch sơ tán khẩn cấp. - Nhà ở chung (nhóm) có các đường sơ tán/thoát được đánh dấu, lắp đặt và bảo trì thiết bị chữa cháy và hướng dẫn sử dụng. Sức khỏe và vệ sinh: - Có sẵn và đủ nước uống an toàn, tối thiểu 20 lít cho mỗi người lớn mỗi ngày và trong phạm vi 1km/30 phút cả đi cả về. - Đảm bảo sự an toàn và quyền riêng tư của các <u>nhóm dễ bị tổn thương</u> bằng cơ sở vật chất có đủ ánh sáng và có khóa. Bố trí cơ sở vệ sinh trong cùng các tòa nhà hoặc cách các tòa nhà một khoảng cách an toàn (cách phòng ở/ký túc xá không quá 60 mét) và phân chia riêng cho nam và nữ. - Có đủ <u>nhà vệ sinh</u> khép kín hoặc hố tiêu, các khu <u>vệ sinh</u> và xử lý <u>chất thải</u> phù hợp. - Khu vực nấu ăn có hệ thống thông gió. - Các biện pháp kiểm soát dịch hại để ngăn ngừa chuột, chuột nhắt, côn trùng và động vật gây hại có thể gây bệnh hoặc mang ký sinh trùng. Thoải mái và tiện nghi: - Gia đình của người lao động dài hạn có trẻ em sẽ có phòng riêng biệt so với những người không có gia đình. - Còn cái của những người lao động đang sống tại cơ sở được ở một nơi an toàn và dưới sự giám sát của người lớn trong giờ làm việc. - Có điện trong nhà hoặc gần nhà, nếu có trong khu vực. Đối với nhà ở tập thể: - Các phòng riêng biệt, có khóa, có thiết bị tắm rửa, và nhà vệ sinh riêng cho nam và nữ. Mỗi người lao động được cung cấp một giường riêng, và có khoảng cách tối thiểu 1 mét giữa các giường. Nếu sử dụng giường tầng, phải có ít nhất 0,7 mét không gian trống giữa các giường. - Cung cấp tiện ích để lưu trữ đồ dùng cá nhân, bằng tủ cá nhân hoặc kệ cao ít nhất 1 mét cho mỗi người lao động. Khuyến nghị về Nhà ở cho Người lao động của ILO số 115, năm 1961; Bộ Quy tắc Thực hành về An toàn và Sức khỏe trong Nông nghiệp của ILO, năm 2010. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-13 Hướng Dẫn K: Nhà Ở và Điều Kiện Sống</i>		✓		✓

STT	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.7.2	Trẻ em sống tại cơ sở và trong độ tuổi đi học được đến trường. Các em được (một trong các trường hợp): - Học tại một trường trong khoảng cách đi bộ an toàn - Học tại một trường trong phạm vi di chuyển hợp lý bằng phương tiện an toàn có sẵn - Được tham gia học tập tại chỗ ở trình độ được công nhận và tương đương.		✓		✓
5.7.3	Người lao động và gia đình của họ sống tại cơ sở làm việc có điều kiện sống an toàn, sạch sẽ và đàng hoàng, phù hợp với tiêu chuẩn địa phương. Những điều kiện này bao gồm: - Chỗ ở an toàn tại các khu vực không nguy hiểm, được bảo vệ khỏi thời tiết khắc nghiệt, có sàn khô ráo, tường kiên cố và cấu trúc nhà được bảo trì tốt. - Đánh dấu các tuyến đường sơ tán cho chỗ ở theo nhóm - Được bảo vệ khỏi ô nhiễm không khí và dòng chảy bề mặt, có đầy đủ cơ sở vật chất xử lý nước thải, vệ sinh và xử lý rác thải. - Tiếp cận nguồn nước uống an toàn - Đầy đủ cơ sở vật chất cho việc vệ sinh và tắm rửa, đảm bảo an toàn và quyền riêng tư cho các nhóm dễ bị tổn thương với các cơ sở được chiếu sáng tốt và có thể khóa được. Khuyến Nghị của ILO, khuyến Nghị về Nhà ở của Người lao Động, 1961 (số 115)	✓		✓	

5.8 Cộng Đồng

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
5.8.1	Ban quản lý tôn trọng các quyền hợp pháp và tập quán của <u>người bản địa và cộng đồng địa phương</u>. Bất kỳ hoạt động nào ảnh hưởng đến đất đai, tài nguyên hoặc lợi ích của họ, bao gồm các <u>Giá trị Bảo tồn Cao (HCV)</u> 5 hoặc 6, phải có <u>sự đồng thuận tự nguyện</u>, có thông báo trước và được <u>cung cấp đầy đủ thông tin (FPIC)</u> theo phụ lục FPIC của Rainforest Alliance. Công Ước ILO về Người Bản Địa và Người Thuộc Bộ Lạc, 1989 (Số 169) <i>Xem Phụ lục A-08-SCRL-B-CH - Xã hội</i> <i>Vui lòng xem Tài Liệu Hướng Dẫn SA-G-SD-45 T: Quy Trình Đồng Thuận Tự Nguyện, Có Thông Báo Trước và Được Cung Cấp Thông Tin (FPIC - Trung Cầu Ý Kiến)</i>		✓		✓
5.8.2	Nhà sản xuất có quyền lợi hợp pháp để sử dụng đất, được chứng minh bằng quyền sở hữu, quyền thuê hoặc các tài liệu/giấy tờ pháp lý khác hoặc bằng tài liệu/giấy tờ về quyền sử dụng truyền thống hoặc theo thông lệ. Quyền sử dụng thông thường hoặc theo phong tục có thể xác minh được cũng có thể được sử dụng. Nếu <u>người dân bản địa và/hoặc cộng đồng địa phương</u>, cư dân địa phương hiện tại hoặc trước đây, hoặc các bên liên quan khác tranh chấp hợp lệ quyền sử dụng đất (ví dụ: trong các trường hợp bị tước đoạt trong quá khứ, buộc phải từ bỏ hoặc hành động bất hợp pháp), <u>Đơn vị sở hữu chứng nhận</u> có thể chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp nếu: a. Một quy trình giải quyết và khắc phục xung đột đã được lưu lại bằng văn bản, được thực hiện và chấp nhận bởi các bên bị ảnh hưởng. b. Trong trường hợp hành động bất hợp pháp trong quá khứ, các bên bị ảnh hưởng bao gồm các cơ quan có liên quan. c. Nếu tranh chấp liên quan đến <u>cộng đồng địa phương và người bản địa</u>, các <u>trang trại</u> quy mô lớn và các trang trại được chứng nhận riêng lẻ phải tuân theo quy trình FPIC theo như Phụ lục chương 5: <i>Xem Phụ lục A-08-SCRL-B-CH - Xã hội</i> <i>Vui lòng xem Tài Liệu Hướng Dẫn SA-G-SD-45 T: Quy Trình Đồng Thuận Tự Nguyện, Có Thông Báo Trước và Được Cung Cấp Thông Tin (FPIC - Trung Cầu Ý Kiến)</i>	✓	✓		✓



CHƯƠNG 6:

Môi Trường

Nông nghiệp đóng vai trò then chốt đối với sức khỏe của hành tinh chúng ta. Nông nghiệp tái sinh không chỉ tránh gây hại cho thiên nhiên mà còn chủ động giúp cải thiện thiên nhiên. Chương này trình bày cách các trang trại được chứng nhận có thể góp phần phục hồi môi trường bằng cách bảo vệ và tăng cường kết nối các khu rừng, cải thiện đa dạng sinh học, quản lý nguồn nước, nông lâm kết hợp và hỗ trợ các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu. Những nỗ lực này phù hợp với cam kết của Rainforest Alliance đối với phương pháp Giá trị Bảo tồn Cao (HCV) và các phương pháp tốt nhất khác trên thế giới.

Các trang trại được chứng nhận tái sinh bắt buộc phải bảo tồn và phục hồi các môi trường sống tự nhiên cùng các dịch vụ hệ sinh thái mà chúng cung cấp. Điều này được thực hiện bằng cách bảo vệ rừng tự nhiên, tăng độ che phủ cây trên trang trại, áp dụng hệ thống nông lâm kết hợp, cải thiện các hệ

sinh thái tự nhiên và bảo tồn thảm thực vật trong trang trại, từ đó góp phần tăng cường kết nối rừng ở quy mô cảnh quan.

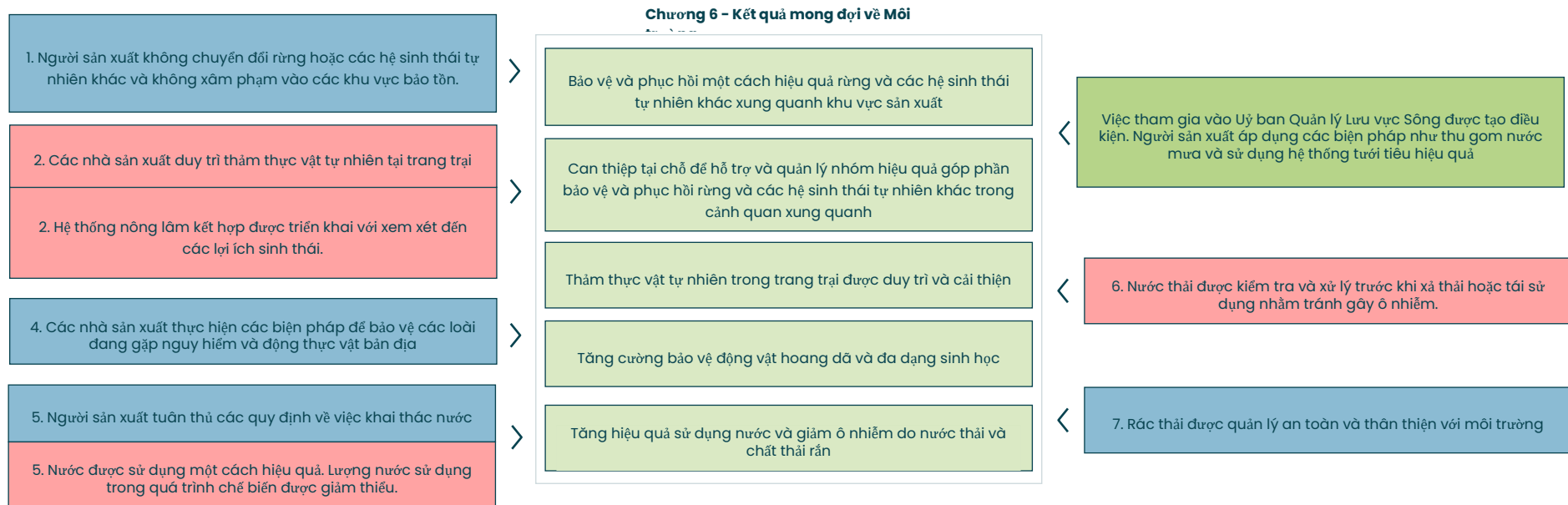
Hơn nữa, người sản xuất được khuyến khích bảo vệ động vật hoang dã và các loài có nguy cơ tuyệt chủng, quản lý nước một cách hiệu quả và bảo tồn nguồn nước. Cũng như xử lý hợp lý nước thải và quản lý chất thải để tránh ô nhiễm và bảo vệ môi trường.

Trong tất cả các lĩnh vực này, nông nghiệp tái sinh đòi hỏi sự chuyển đổi sang tư duy dài hạn và khả năng chống chịu cấp hệ thống. Các trang trại và nhóm bắt buộc phải áp dụng các phương pháp giúp phục hồi các hệ sinh thái địa phương, tăng khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính (GHG).

Những nỗ lực này sẽ đạt hiệu quả cao nhất khi được thực hiện cùng nhau với cộng đồng, chính quyền và

các doanh nghiệp trong khu vực, bởi vì để tạo ra tác động môi trường bền vững cần có sự chung tay của tất cả mọi người.

Thông qua việc tuân thủ các yêu cầu trong chương này, các trang trại và nhóm đã tiến một bước quan trọng trong việc tạo ra các hệ sinh thái khỏe mạnh hơn, cảnh quan nông nghiệp có khả năng chống chịu cao hơn và một tương lai bền vững hơn cho con người và thiên nhiên.



6.1 Rừng, các hệ sinh thái tự nhiên khác và các khu bảo tồn

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
6.1.1	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 trở đi, <u>rừng tự nhiên</u> và các hệ sinh thái tự nhiên không được <u>chuyển đổi</u> thành đất sản xuất nông nghiệp hoặc các mục đích sử dụng đất khác. <i>Xem Phụ lục A-09-SCRL-B-FA - Môi trường</i>	✓	✓		✓
6.1.2	Sản xuất hoặc chế biến không diễn ra trong các khu bảo tồn hoặc <u>vùng đệm</u> được xác định chính thức, trừ trường hợp cho phép của luật hiện hành. <i>Xem Phụ lục A-09-SCRL-B-FA - Môi trường</i>	✓	✓		✓

6.2 Bảo Tồn Và Nâng Cao Hệ Sinh Thái Tự Nhiên Và Thảm Thực Vật

Số thứ tự	Các yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
6.2.5	Người sản xuất duy trì lớp phủ thực vật tự nhiên là cây thân gỗ bên cạnh lớp phủ đất, chiếm ít nhất 10% tổng diện tích trang trại thông qua một hoặc nhiều biện pháp sau: • hệ thống nông lâm kết hợp • cây bản địa trên trang trại • trồng cây ở hành lang ranh giới/hàng rào • hàng cây trồng theo lối, hàng cây chắn gió hoặc vành đai xanh • vùng đệm ven bờ (ven sông) • khu vực bảo tồn và phục hồi Lưu ý: Yêu cầu này được thực hiện theo các luật và/hoặc quy định quốc gia hiện hành (xem mục 1.2.1). <i>Xem Phụ lục A-09-SCRL-B-FA - Môi trường</i>	✓	✓		✓
6.2.6	Khi triển khai hệ thống nông lâm kết hợp trong khu vực sản xuất, cần xem xét các yếu tố sau đây: • Các quy định địa phương • Người sản xuất duy trì ít nhất sáu loài cây, trong đó ít nhất ba loài là cây bản địa. • Các loài cây được lựa chọn nên có các đặc tính bao gồm ít nhất một trong những tiêu chí sau: - Có khả năng vươn tới hai tầng vượt ra ngoài tán cây của cây trồng được chứng nhận. - Có tiềm năng đa dạng hoá nguồn thu nhập. - Cố định nitơ. - Thúc đẩy quá trình thụ phấn. - Kiểm soát sâu bệnh. <i>Xem Phụ lục A-09-SCRL-B-FA - Môi trường</i>	✓	✓		✓

6.4 Bảo Vệ Động Vật Hoang Dã Và Đa Dạng Sinh Học

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
6.4.1	Không <u>săn bắn</u>, giết hại, đánh bắt, thu gom hoặc buôn bán phi pháp các loài <u>động vật</u> và thực vật đang bị đe dọa. Nhà sản xuất và người lao động không săn bắt các loài động vật khác, trừ khi có những điều kiện sau: - Nhà sản xuất của trang trại quy mô nhỏ chỉ được săn bắt các loài động vật không bị đe dọa cho mục đích sử dụng cá nhân. - Các loài gây hại là <u>động vật hoang dã có xương sống</u> có thể bị săn bắt trên trang trại theo kế hoạch <u>Quản lý Dịch hại Tổng hợp</u> như một biện pháp cuối cùng. Không bao giờ được sử dụng chất nổ hoặc các chất độc hại để săn bắn, đánh bắt cá hoặc kiểm soát động vật gây hại.	✓	✓	✓	✓
6.4.2	Nhà sản xuất không được nhốt giữ <u>động vật hoang dã</u>. Động vật hoang dã bị nhốt trước đây trên trang trại trước ngày cấp chứng nhận ban đầu sẽ được chuyển đến các trại nuôi chuyên nghiệp hoặc chỉ có thể được nhốt giữ nhằm mục đích phi thương mại trong suốt phần đời còn lại của chúng. Động vật hoang dã bị nhốt giữ và động vật nuôi trong trang trại được đối xử theo Nguyên tắc 5 “không” về phúc lợi động vật.	✓	✓		✓
6.4.6	Không sử dụng lửa để làm đất hoặc làm sạch cánh đồng, trừ khi được nó chứng minh cụ thể trong kế hoạch IPM. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-12 Hướng Dẫn J: Độ Phì và Bảo Tồn Đất</i>	✓	✓		✓

6.5 Quản Lý Và Bảo Tồn Nước

Số thứ tự	Yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
6.5.1	Ban quản lý tuân thủ luật hiện hành về khai thác nước mặt hoặc nước ngầm phục vụ các mục đích nông nghiệp, sinh hoạt hoặc chế biến. Nếu được yêu cầu, việc tuân thủ được thể hiện thông qua giấy phép hoặc cấp phép (hoặc yêu cầu đang chờ xử lý).		✓	✓	✓
Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù				
6.5.2	Hệ thống tưới tiêu và phân phối nước được duy trì để tối đa hoá sản lượng cây trồng, đồng thời giảm thiểu lãng phí nước, xói mòn đất và nhiễm mặn.		✓	✓	✓
Số thứ tự	Yêu cầu cải tiến liên tục				
6.5.3	Hệ thống tưới tiêu và phân phối nước được quản lý để tối ưu hóa năng suất cây trồng, tính đến các yếu tố sau: • Sự bốc thoát hơi nước của cây trồng ở các giai đoạn sinh trưởng khác nhau • Điều kiện đất • Hình thái mưa Không áp dụng đối với các trang trại quy mô nhỏ trong nhóm Nhà sản xuất ghi lại lượng nước dùng để tưới tiêu từ năm thứ nhất trở đi.		✓	✓	✓
Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù				
6.5.4	Ban quản lý thực hiện các biện pháp để giảm lượng nước sử dụng cho việc chế biến trên một đơn vị sản phẩm. Việc sử dụng và giảm thiểu nước được theo dõi và ghi chép lại từ năm thứ nhất trở đi. Đối với Ban Quản Lý Nhóm, điều này áp dụng nếu các nhóm có các cơ sở chế biến tập trung.		✓	✓	✓
Số thứ tự	Yêu cầu cải tiến liên tục				
6.5.5	Các nhà sản xuất sử dụng nước mưa tích trữ cho mục đích tưới tiêu và/hoặc mục đích nông nghiệp khác.	✓	✓		✓
6.5.6	Nhà sản xuất tham gia xây dựng sáng kiến hoặc sáng lập ủy ban lưu vực địa phương và thực hiện hành động để giúp duy trì hoặc phục hồi chất lượng của lưu vực đầu nguồn thuộc một phần của quá trình này. Ghi chép lại tính chất tham gia và các hành động đã thực hiện.	✓	✓		✓

6.6 Quản Lý Nước Thải

Số thứ tự	Các yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
6.6.1	Tiến hành kiểm tra xử lý nước thải tại tất cả các điểm xả trong (các) công đoạn vận hành đại diện và ghi chép lại kết quả. Đối với các nhóm trang trại, điều này được thực hiện tại tất cả các cơ sở chế biến do nhóm (tập thể) quản lý và tại một mẫu đại diện của các hoạt động thành viên xử lý bao gồm các loại hệ thống xử lý khác nhau. Nước thải từ các hoạt động chế biến thải vào hệ sinh thái ngập nước đáp ứng các thông số chất lượng nước thải phù hợp. Trong trường hợp không có những yếu tố này, nó đáp ứng các thông số về nước thải. Không được pha trộn nước thải từ các hoạt động chế biến với nước sạch để đáp ứng các thông số khi kiểm tra mẫu nước thải.		✓	✓	✓
6.6.2	Không sử dụng chất thải của người, bùn và nước thải trong sản xuất hoặc chế biến. Nước thải đã xử lý chỉ được xả vào các hệ sinh thái thủy sinh. Không áp dụng cho các trang trại quy mô nhỏ: Nước thải đã qua xử lý phải đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng nước thải theo quy định của pháp luật hoặc các thông số tương đương nếu không có tiêu chuẩn pháp luật cụ thể.	✓	✓	✓	✓
6.6.3	Nước thải từ các hoạt động chế biến chỉ được sử dụng trên đất sau khi đã qua xử lý để loại bỏ các hạt lắng và độc tố. Nước thải đã xử lý dùng để tưới tiêu phải đáp ứng các thông số cụ thể đối với cả nước thải và tưới tiêu.	✓	✓	✓	✓

6.7 Quản Lý Chất Thải

Số thứ tự	Các yêu cầu cơ bản	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
6.7.1	<u>Chất thải</u> được quản lý để phòng tránh <u>rủi ro</u> sức khỏe và an toàn. Chất thải chỉ được lưu trữ và bỏ ở các khu vực được chỉ định, không phải ở trong <u>các hệ sinh thái tự nhiên</u> . Không để lại rác thải vô cơ trên đất.	✓	✓	✓	✓
6.7.2	Nhà sản xuất không được đốt <u>rác thải</u> , ngoại trừ được đốt trong các lò đốt được thiết kế kỹ thuật dành cho loại rác thải cụ thể.	✓	✓		✓



Bổ sung

Tiêu chuẩn Nông nghiệp Tái sinh như một phần bổ sung

Khi áp dụng như một phần bổ sung cho Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững, các yêu cầu bổ sung về Nông nghiệp Tái sinh được đưa vào các chương về canh tác và môi trường nhằm củng cố các kết quả mong đợi của nông nghiệp tái sinh (sức khỏe đất, đa dạng sinh học, quản lý nguồn nước và khả năng chống chịu của cây trồng). Những yêu cầu này được xây dựng dựa trên các yêu cầu đã có trong Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững.

CHƯƠNG VỀ CANH TÁC

Người sản xuất được chứng nhận theo Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững của Rainforest Alliance đã áp dụng các thực hành bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, nâng cao năng suất và hỗ trợ các cộng đồng nông nghiệp có khả năng phục hồi. Các yêu cầu bổ sung trong Tiêu chuẩn Nông nghiệp Tái sinh về canh tác làm sâu sắc hơn cam kết này, nhằm chủ động phục hồi sức khỏe đất, tăng cường khả năng chống chịu của cây trồng và giảm sử dụng các vật liệu đầu vào ở dạng tổng hợp cũng như thuốc bảo vệ thực vật độc hại.

Điều làm nên sự khác biệt của nông nghiệp tái sinh là cách tiếp cận lâu dài và dựa trên hệ thống. Các thực hành phối hợp với nhau để nâng cao các chu trình tự nhiên theo thời gian. Các thực hành này bao gồm việc tăng hàm lượng hữu cơ trong đất, thúc đẩy đa dạng sinh học và phục hồi các dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên. Một trụ cột quan trọng của phương pháp này là giảm đáng kể—hoặc nếu có thể, loại bỏ hoàn toàn—việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật tổng hợp. Các trang trại được khuyến khích áp dụng các giải pháp phù hợp với điều kiện địa phương, tận dụng tối đa nguồn tài nguyên thiên nhiên và các quá trình sinh

thái, từ việc ủ phân và trồng cây che phủ đến Quản lý Cỏ dại Tổng hợp (IWM).

Ngoài những lợi ích về mặt sinh thái, nông nghiệp tái sinh còn mang lại lợi ích cho con người — hỗ trợ chất lượng cây trồng, ổn định năng suất và tiếp cận các thị trường giá trị cao. Thông qua đào tạo và các chính sách khuyến khích, người nông dân có thể giảm chi phí đầu vào, tăng khả năng chống chịu và củng cố sinh kế, đồng thời góp phần vào sự chuyển đổi toàn cầu hướng tới nền nông nghiệp bền vững hơn.

CHƯƠNG VỀ MÔI TRƯỜNG

Các trang trại được chứng nhận theo Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững đã có nền tảng môi trường vững chắc. Các yêu cầu về môi trường trong Tiêu chuẩn Nông nghiệp Tái sinh được xây dựng dựa trên nền tảng này, tập trung vào bảo tồn và nâng cao hệ sinh thái cũng như đa dạng sinh học. Để đạt được mục tiêu này, việc thúc đẩy các hệ thống nông lâm kết hợp và các biện pháp phục hồi môi trường sống được đặt lên hàng đầu, ưu tiên này cũng phù hợp với các phương pháp tốt nhất trên thế giới. Các yêu cầu này thúc đẩy các hành động lâu dài hướng tới khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, bao gồm việc tăng diện tích phủ cây và phục hồi đất bị suy thoái.

Khuyến khích hợp tác với cộng đồng địa phương và các bên trong chuỗi cung ứng nhằm đạt được các lợi ích môi trường rộng hơn ở quy mô cảnh quan, hỗ trợ cả con người và thiên nhiên.

CÁC CHƯƠNG KHÁC

Không bổ sung yêu cầu nào trong các chương về Quản lý, Truy nguyên sản phẩm, Giá cộng thưởng hoặc Xã hội. Tuy nhiên, Rainforest Alliance đặc biệt khuyến nghị các công ty thể hiện giá trị gia tăng của các trang trại được chứng nhận theo cả Tiêu chuẩn Nông nghiệp Bền vững và Tiêu chuẩn Nông nghiệp Tái sinh thông qua mức thù lao cao hơn.



Nông nghiệp tái sinh

Các yêu cầu bổ sung

Chương 4: CANH TÁC

4.1 Các giống cây trồng

Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.1.4	Các giống cây được lựa chọn để trồng, ghép hoặc cải tạo cần xem xét các yếu tố sau: • Cây trồng phải khỏe mạnh và không bị sâu bệnh. • Cây trồng phải phù hợp với điều kiện canh tác và khí hậu địa phương. • Đối với việc cải tạo hoặc tái canh, cần ưu tiên các giống cây có khả năng kháng hoặc chịu được sâu bệnh, dựa trên tác động về kinh tế của chúng trong bối cảnh địa phương. Các tiêu chí sử dụng phải được người sản xuất xác định rõ và chứng minh được. • Nếu lựa chọn giống không kháng hoặc không chịu được sâu bệnh, người sản xuất phải thực hiện thêm các biện pháp Quản lý Dịch hại Tổng hợp (IPM) để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu rủi ro lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật. <i>Vui lòng xem A-07-SCRL-B-FA –Phụ lục Canh tác</i>	✓	✓		✓
Số thứ tự	Yêu cầu cải tiến liên tục				
4.1.5	Khi thực hiện các hoạt động cải tạo hoặc tái canh, ít nhất 50% cây trồng mới phải có khả năng kháng hoặc chịu được những loại sâu bệnh mà người sản xuất xác định là có ảnh hưởng về kinh tế.	✓	✓		✓

4.2 Phục hồi và Cải tạo Cây trồng

Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.2.2	Nông dân phải thực hiện các biện pháp phục hồi hoặc cải tạo (bao gồm cắt tỉa) phù hợp với điều kiện trang trại nhằm nâng cao sức khoẻ và năng suất cây trồng. <i>Vui lòng xem A-07-SCRL-B-FA –Phụ lục Canh tác</i> <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-10 Hướng Dẫn I: Cắt cành, tạo tán</i>	✓	✓		✓
Số thứ tự	Các yêu cầu cải tiến liên tục				
4.2.3	Người sản xuất thực hiện các biện pháp phục hồi hoặc cải tạo (bao gồm cắt tỉa) trên ít nhất 20% diện tích canh tác vào lần thanh tra chứng nhận thứ 2, và tăng lên ít nhất 60% vào lần thanh tra chứng nhận thứ 3. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-10 Hướng Dẫn I: Cắt tỉa cành, tạo tán</i>		✓		✓
4.2.4	Ít nhất 40% thành viên của nhóm phải tuân thủ một chu kỳ tỉa cành được xác định rõ ràng kể từ lần thanh tra chứng nhận thứ hai, và tỷ lệ này phải tăng lên 60% vào lần thanh tra chứng nhận thứ ba. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-10 Hướng Dẫn I: Cắt tỉa cành, tạo tán</i>	✓	✓		

4.4 Độ Phi Đất Và Bảo Tồn Đất

Số thứ tự	Các yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.4.7	Hàng năm, ban quản lý phải thực hiện đánh giá đất hoặc lá. Đối với các trang trại nhỏ trong nhóm, ban quản lý nhóm thực hiện đánh giá đất hoặc đánh giá qua lá hàng năm theo lịch luân phiên cho tối thiểu 20% thành viên nhóm, tối đa là 100 thành viên, nhằm đảm bảo tất cả các trang trại nhỏ hoàn thành việc đánh giá trước lần thanh tra chứng nhận thứ ba. Đánh giá đất bao gồm: - Các khu vực dễ bị xói mòn và khu vực dốc - Kết cấu đất - Độ sâu tầng canh tác và các tầng đất - Độ nén, cấu trúc đất của các khu vực - Độ ẩm đất và mức giữ nước - Điều kiện thoát nước - Các cấp độ dinh dưỡng đa lượng và chất hữu cơ. Điều này được đánh giá thông qua các phân tích mẫu đất và/hoặc quan sát các triệu chứng thiếu hụt chất dinh dưỡng bằng mắt thường (phân tích lá) đối với mẫu đại diện của các khu vực. - Ít nhất một chỉ số về sức khoẻ đất. Dựa trên các ý kiến đánh giá, người sản xuất xây dựng và thực hiện kế hoạch bón phân phù hợp với nhu cầu của cây trồng. Phân bón được sử dụng với lượng và thời điểm tối ưu nhằm tăng khả năng hấp thụ của cây trồng, đồng thời giảm thiểu việc lạm dụng hoá chất và hạn chế nguy cơ rửa trôi, thẩm thấu và bay hơi. <i>Vui lòng xem A-07-SCRL-B-FA –Phụ lục Canh tác</i> <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-12 Hướng Dẫn J: Độ Phi và Bảo Tồn Đất</i>	✓	✓	✓	✓
4.4.8	Người sản xuất đảm bảo sử dụng các nguồn dinh dưỡng hữu cơ như một phần trong kế hoạch bón phân: - Chất hữu cơ được ủ hoai trước khi sử dụng làm phân bón. - Khuyến khích sử dụng phần dư thừa thực vật tại trang trại để phủ mặt đất, như cành cây cắt tỉa, lá rụng và các vật liệu thực vật khác. - Nếu có thể, ưu tiên các vật liệu đầu vào có nguồn gốc sinh học (chế phẩm sinh học). - Khuyến khích việc tăng cường sử dụng nguồn dinh dưỡng hữu cơ một cách từng bước, dựa trên điều kiện đất và nhu cầu dinh dưỡng của cây trồng. - Đối với tất cả các biện pháp trên, có thể bổ sung phân bón tổng hợp khi cần, theo nhu cầu dinh dưỡng của cây trồng. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-12 Hướng Dẫn J: Độ Phi và Bảo Tồn Đất</i> <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-9 Hướng Dẫn H: Quản Lý Dịch Hại Tổng Hợp</i>	✓	✓		✓

Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.4.9	Người sản xuất bảo vệ sức khỏe đất trong khu vực sản xuất bằng cách không để đất trống hoặc trơ trọi, và duy trì độ phủ đất tối thiểu 40% như một phần trong kế hoạch Quản lý Cỏ dại Tổng hợp. Lớp phủ đất có thể bao gồm thảm thực vật sống hoặc đã phân hủy như: • phủ mùn • cỏ mềm • cây phủ đất (ưu tiên các loài cây có hoa) Các khu vực trồng mới có thể để đất trống tại hàng cây trồng, nhưng cần phủ đất ở các khoảng giữa các hàng cây. <i>Vui lòng xem A-07-SCRL-B-FA – Phụ lục Canh tác</i> <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-12 Hướng Dẫn J: Độ Phủ và Bảo Tồn Đất</i> <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-9 Hướng Dẫn H: Quản Lý Dịch Hại Tổng Hợp</i>	✓	✓		✓
Số thứ tự	Yêu cầu cải tiến liên tục				
4.4.10	Đến lần thanh tra chứng nhận thứ 2, khu vực sản xuất phải đạt ít nhất 60% độ phủ đất.	✓	✓		✓
Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù				
4.4.11	Người sản xuất áp dụng các phương pháp bón phân nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng dinh dưỡng và góp phần giảm phát thải khí nhà kính. Nhà sản xuất thực hiện điều này bằng cách áp dụng ít nhất một trong các biện pháp sau: • Phủ lớp mùn lên trên phân bón hoặc trộn phân bón vào đất để ngăn ngừa phát thải và rửa trôi. • Bón phân với liều lượng nhỏ, tập trung. • Sử dụng phân bón đặc biệt có khả năng chuyển hoá nitơ chậm. • Sử dụng phân bón chậm tan, cung cấp dinh dưỡng theo thời gian. • Bổ sung các vi sinh vật có lợi, bao gồm nấm và vi khuẩn, giúp tăng cường dinh dưỡng đất một cách tự nhiên. • Trộn phân bón với nước khi trang trại sử dụng hệ thống tưới tiêu. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-12 Hướng Dẫn J: Độ Phủ và Bảo Tồn Đất</i>	✓	✓		✓

4.5 Quản Lý Dịch Hại Tổng Hợp (IPM)

Số thứ tự	Các yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.5.3	Trong khuôn khổ Quản lý Cỏ dại Tổng hợp (IWM), người sản xuất xây dựng và thực hiện các biện pháp ưu tiên các loại cỏ dại không xâm lấn và không phát triển mạnh, góp phần giảm sử dụng thuốc diệt cỏ và tăng đa dạng sinh học trên trang trại. <i>Vui lòng xem A-07-SCRL-B-FA –Phụ lục Canh tác</i> <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-9 Hướng Dẫn H: Quản lý Dịch hại Tổng hợp (IPM)</i>	✓	✓		✓
4.5.4	Người sản xuất cân nhắc việc đảm bảo giảm lượng thuốc diệt cỏ sử dụng như một phần của phương pháp Quản lý Cỏ dại Tổng hợp. Các biện pháp giảm thiểu này phải được đưa vào kế hoạch Quản lý Cỏ dại Tổng hợp và thực hiện đúng theo kế hoạch. <i>Vui lòng xem Tài Liệu SA-G-SD-9 Hướng Dẫn H: Quản lý Dịch hại Tổng hợp (IPM)</i>	✓	✓		✓

4.6 Quản Lý Hóa Chất Nông Nghiệp

Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
4.6.14	Ban quản lý xây dựng và thực hiện chính sách nhằm đảm bảo việc giảm số lượng và độ độc hại của thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng. Trước lần thanh tra chứng nhận đầu tiên, dữ liệu cơ sở được thu thập, bao gồm ít nhất 12 tháng trước đó. Tiến độ được đánh giá trong các lần thanh tra tiếp theo. Một hệ thống giám sát được tích hợp trong chính sách này. Hồ sơ giám sát ít nhất phải bao gồm những thông tin sau: • Hoạt chất. • Liều lượng sử dụng (số lượng và số lần sử dụng). • Ngày và mô tả về bất kỳ hiện tượng thời tiết cực đoan nào. • Sự bùng phát sâu bệnh. • Giảm rõ rệt về lượng và độ độc hại của thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng.	✓	✓	✓	✓
Số thứ tự	Yêu cầu cải tiến liên tục				
4.6.15	Đối với các trang trại nhỏ trong nhóm, ban quản lý đảm bảo việc giám sát sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong nhóm thành viên được tăng cường theo lộ trình. Đến kỳ thanh tra chứng nhận lần thứ hai, ít nhất 30% thành viên nhóm có hồ sơ giám sát được ghi chép đầy đủ, và tỷ lệ này tăng lên tối thiểu 60% vào kỳ thanh tra chứng nhận lần thứ ba.			✓	
Số thứ tự	Yêu cầu đặc thù				
4.6.16	Người sản xuất xây dựng và thực hiện kế hoạch nhằm từng bước giảm việc sử dụng các hoạt chất nằm trong danh mục ngoại lệ. Kế hoạch này dựa trên phương pháp cải tiến liên tục, với mục tiêu cuối cùng là loại bỏ hoàn toàn các hoạt chất này trước ngày 31 tháng 12 năm 2028. Kế hoạch này ưu tiên các giải pháp nông sinh thái và tăng cường khả năng chống chịu ở cấp hệ thống theo thời gian. Vui lòng xem A-07-SCRL-B-FA –Phụ lục Canh tác Xem A-12-SCRL-B-FA Chính sách Sử dụng Đặc biệt: Các trường hợp ngoại lệ được chấp thuận và Điều kiện để Sử dụng Thuốc trừ sâu Bị cấm của Rainforest Alliance.	✓	✓	✓	✓

Chương 6: MÔI TRƯỜNG

6.2 Bảo Tồn Và Nâng Cao Hệ Sinh Thái Tự Nhiên Và Thảm Thực Vật					
Số thứ tự	Các yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trang trại đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Quản lý nhóm	Nhỏ/Lớn
6.2.5	Người sản xuất duy trì lớp phủ thực vật tự nhiên là cây thân gỗ bên cạnh lớp phủ đất, chiếm ít nhất 10% tổng diện tích trang trại thông qua một hoặc nhiều biện pháp sau: • hệ thống nông lâm kết hợp • cây bản địa trên trang trại • trồng cây ở hành lang ranh giới/hàng rào • hàng cây trồng theo lối, hàng cây chắn gió hoặc vành đai xanh • vùng đệm ven bờ (ven sông) • khu vực bảo tồn và phục hồi Lưu ý: Yêu cầu này được thực hiện theo các luật và/hoặc quy định quốc gia hiện hành (xem mục 1.2.1). <i>Xem Phụ lục A-09-SCRL-B-FA - Môi trường</i>	✓	✓		✓
6.2.6	Khi triển khai hệ thống nông lâm kết hợp trong khu vực sản xuất, cần xem xét các yếu tố sau đây: • Các quy định địa phương • Người sản xuất duy trì ít nhất sáu loài cây, trong đó ít nhất ba loài là cây bản địa. • Các loài cây được lựa chọn nên có các đặc tính bao gồm ít nhất một trong những tiêu chí sau: - Có khả năng vươn tới hai tầng vượt ra ngoài tán cây của cây trồng được chứng nhận. - Có tiềm năng đa dạng hoá nguồn thu nhập. - Cố định nitơ. - Thúc đẩy quá trình thụ phấn. - Kiểm soát sâu bệnh. <i>Xem Phụ lục A-09-SCRL-B-FA - Môi trường</i>	✓	✓		✓

6.5 Quản Lý và Bảo Tồn Nước

Số thứ tự	Các yêu cầu đặc thù	Chứng nhận nhóm			Chứng nhận trạng thái đơn lẻ
		Trang trại quy mô nhỏ	Trang trại quy mô lớn	Group mgt.	S/L
6.5.4	Ban quản lý thực hiện các biện pháp để giảm lượng nước sử dụng cho việc chế biến trên một đơn vị sản phẩm. Việc sử dụng và giảm thiểu nước được theo dõi và ghi chép lại từ năm thứ nhất trở đi. Đối với Ban Quản Lý Nhóm, điều này áp dụng nếu các nhóm có các cơ sở chế biến tập trung.		✓	✓	✓